

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG
TIÊU DÙNG MASAN
MASAN CONSUMER
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 04243/2026/CV-MSC
No: /

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026
....., day ... month ... year

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
- Mã chứng khoán/Stock code: MCH
- Địa chỉ/Address: Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 028. 62555660 Fax: 028. 38109463
- E-mail: yen@msn.masangroup.com / information@msc.masangroup.com
- Website: <https://masanconsumer.com/>

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MSC và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026
Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 02/2026/NQ-DHDCD-MSC and Meeting Minutes of 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 02/2026/BBH-DHDCD dated 24 April 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/04/2026 tại đường dẫn <https://masanconsumer.com/> // This information was published on the company's website on 24 April 2026, as in the link <https://masanconsumer.com/>:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

*** Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MSC và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/2026/BBH-ĐHĐCĐ / Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 02/2026/NQ-DHDCD-MSC and Meeting Minutes of 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 02/2026/BBH-DHDCD

Đại diện tổ chức
Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Đỗ Thị Hoàng Yến

Số: 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MSC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều Lệ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty” hoặc “Masan Consumer”) ngày 10 tháng 02 năm 2026; và
- Căn cứ Biên Bản Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty ngày 24 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2025.

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2025.

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Điều 4. Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: tỷ VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2026
Doanh thu thuần (Net revenue)	33.800 – 35.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT - Pre MI)	7.450 – 7.800

Điều 5. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2025 của Công ty như sau:

- Chia cổ tức năm 2025: với tổng số tiền 5.270.386.980.000 VNĐ (đã thực hiện chi trả trong năm 2025: 2.628.623.585.000 VNĐ và trong năm 2026: 2.641.763.395.000 VNĐ), tương ứng với tỉ lệ 50%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 5.000 VNĐ) vào thời điểm chi trả.

Điều 6. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2026 từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty, với mức tạm ứng cổ tức tối đa là 50% (tức 1 cổ phiếu được nhận mức tạm ứng cổ tức năm 2026 tối đa là 5.000 đồng). Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2026, bao gồm việc có hoặc không có thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, số đợt chi trả, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

Điều 7. Thông qua việc chọn một trong các công ty kiểm toán dưới đây là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc lựa chọn, ký kết và thực hiện hợp đồng kiểm toán với một trong các công ty đó:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam); và
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Điều 8. Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2026 là: 0 VNĐ và kế hoạch ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm cả các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), trong năm 2026 là không quá 2 tỷ VNĐ.

Điều 9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty như sau:

1. Phương án phát hành:

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty và các công ty con trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và gắn bó lâu dài với Công ty và các công ty con.
- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh thông qua việc bổ sung vốn lưu động và/hoặc trả nợ ngắn và dài hạn của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn bởi trả tiền nhà cung cấp, trả nợ vay ngắn và dài hạn.
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời điểm phát hành dự kiến: trong năm 2026 hoặc 4 tháng đầu năm 2027. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm phát hành cụ thể.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 12.944.935 cổ phần (tương đương tối đa 1% tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty), bao gồm 32.583 cổ phiếu quỹ và tối đa 12.912.352 cổ phần mới.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

- Đối tượng phát hành: là nhân viên/người lao động của Công ty và các công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các Công ty con.
 - Tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình lựa chọn cho người lao động:
 - ✓ Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng người lao động dựa trên các tiêu chuẩn sau:
 - Tiêu chuẩn 1: Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
 - Tiêu chuẩn 2: Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
 - Tiêu chuẩn 3: Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;
 - Tiêu chuẩn 4: Chức vụ;
 - Tiêu chuẩn 5: Mức lương; và
 - Tiêu chuẩn 6: Ngạch bậc.
 - ✓ Nguyên tắc xác định số cổ phần phân phối cho từng người lao động và tiêu chí đánh giá theo quy định tại Phụ lục 01 đính kèm.
 - ✓ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị căn cứ theo phương án ESOP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định Quy chế Chương trình ESOP và danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.
 - Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết: trong trường hợp người lao động không thực hiện quyền mua hoặc không mua hết số lượng cổ phần được quyền mua, giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phát hành số cổ phần chưa được mua này cho người lao động khác trong danh sách ban đầu với cùng mức giá phát hành và/hoặc ghi nhận số lượng mua thực tế và kết thúc đợt phát hành.
 - Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần mới thực tế được phát hành mới.
 3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành mới.
 4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành mới với Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
 5. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị:
 - quyết định thời gian thực hiện cụ thể;

- ban hành Quy chế phát hành cổ phần theo Chương trình ESOP căn cứ trên các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- quyết định tổng số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP và số lượng cổ phần phát hành mới phù hợp theo phương án phát hành và quy định của pháp luật;
- quyết định danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP; số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng theo nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp có người lao động trong danh sách được phân bổ số lượng cổ phiếu lớn hơn số lượng cổ phiếu quỹ, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn người lao động cụ thể và phân phối toàn bộ số cổ phiếu quỹ cho người lao động này sao cho tổng số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động đảm bảo phương án và nguyên tắc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- quyết định phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để đảm bảo việc phát hành cổ phần này đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài;
- quyết định phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết;
- thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo giao dịch bán cổ phiếu quỹ, báo cáo phát hành cổ phiếu mới cho người lao động, báo cáo kết quả với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng cổ phiếu quỹ cho người lao động được lựa chọn;
- thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phần mới phát hành tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế phát hành mới tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phần thực tế phát hành mới tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- quyết định cụ thể việc sử dụng số tiền thu được từ đợt bán cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu mới theo Chương trình ESOP;
- bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan;
- quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Điều 10. Phê duyệt việc Công ty TNHH The Sherpa (một công ty thành viên thuộc Tập đoàn Masan) mua thêm tối đa 10% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Điều 11. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 12. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DANNY LE

PHỤ LỤC 01:
NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH SỐ CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI
CHO TỪNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Việc phân phối cổ phiếu Chương trình ESOP được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Phân phối cổ phiếu theo 04 nhóm người lao động, bao gồm:

- Nhóm 1: Nhóm người lao động mang lại giá trị cho cổ đông bao gồm hiệu quả kinh doanh, các sáng kiến mang tính chiến lược và huy động vốn cho Công ty, các Công ty con.
- Nhóm 2: Nhóm người lao động có các sáng kiến phát triển kinh doanh bao gồm xây dựng quan hệ đối tác dài hạn với các nhà đầu tư, phân bổ vốn hiệu quả, quản trị rủi ro chặt chẽ, đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chiến lược và thúc đẩy tài năng; đưa ra các phát kiến phát triển sản phẩm mới và mang lại những hiệu quả tích cực; các phát kiến, sáng kiến công nghệ, giúp cải tiến sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Nhóm 3: Nhóm người lao động kiêm nhiệm thêm vị trí công tác khác trong cùng một công ty trong Tập đoàn hoặc tại từ hai công ty trở lên trong Tập đoàn.
- Nhóm 4: Nhóm người lao động có tham gia vào từng dự án cụ thể trong năm trước đó.

Nguyên tắc 2: Trong mỗi nhóm người lao động được phân loại theo nguyên tắc 1 nêu trên, số cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động được xác định theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm 1: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 1 được tính dựa trên 5 tiêu chí:

- Hệ số Kết quả kinh doanh của Công ty: (Tiêu chuẩn 1)

Kết quả kinh doanh của công ty	Hệ số kết quả kinh doanh của công ty (a)
Không đạt Kế hoạch kinh doanh	Tối đa 0,65
Đạt kế hoạch kinh doanh ở mức thấp	0,65 - 0,8
Nằm trong khung kế hoạch kinh doanh ở mức thấp và mức cao	0,8 - 0,9
Đạt hoặc vượt kế hoạch kinh doanh ở mức cao	0,9 - 1,0

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban: (Tiêu chuẩn 3)

Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)
Không đạt kế hoạch KPI	Tối đa 0,6
Đạt kế hoạch kinh doanh	0,6 - 0,8
Vượt kế hoạch kinh doanh	0,8 - 1,0

- Hệ số cấp bậc, bao gồm chức vụ, mức lương và ngạch bậc: (Tiêu chuẩn 4,5,6)

Cấp bậc	Điểm cấp bậc	Hệ số cấp bậc (1 điểm = hệ số 0,0001) (c)
---------	--------------	---

Cấp bậc nhân viên (rank 5)	1 - 7	0,0001 – 0,0007
Cấp bậc chuyên viên (rank 4)	8 - 20	0,0008 – 0,002
Cấp bậc Trưởng nhóm, trưởng phòng (rank 3)	30 - 50	0,003 – 0,005
Cấp bậc quản lý, giám đốc chuyên môn (rank 2)	60 - 90	0,006 - 0,009
Cấp bậc ban giám đốc, điều hành (rank 1)	100 - 200	0,01 - 0,02

- Hệ số công việc (Tiêu chuẩn 2, 3): là hệ số thể hiện tính chất công việc (trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách), kết quả đóng góp của cá nhân cho sự phát triển của Công ty và các công ty con, tầm quan trọng của từng người lao động vào kết quả và hiệu quả hoàn thành công việc của phòng ban và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2025.

Tính chất công việc, mức độ đóng góp, tầm quan trọng	Hệ số công việc (d)
Ít quan trọng	0,1 - 0,49
Quan trọng	0,5 – 0,99
Rất quan trọng	1 - 2

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (Tiêu chuẩn 3):

Lưu ý: Những người lao động làm việc dưới 6 tháng thì hệ số KPI sẽ được chia 2.

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (e)
Không đạt KPI	0,11 - 0,49
Đạt kế hoạch KPI	0,5 - 0,70
Vượt kế hoạch KPI	0,71 - 0,99
Vượt kế hoạch KPI (xuất sắc)	1 trở lên

- Những người lao động hoàn thành xuất sắc công việc, vượt kế hoạch, mang lại kết quả đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Công ty và các công ty con sẽ được phân phối thêm một lượng cổ phiếu như sau (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Số cổ phiếu được phân phối thêm (g)
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1 - 1,04	100.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,05 - 1,09	150.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,1 - 1,14	200.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,15 - 1,19	250.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,2 - 1,24	300.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,25 - 1,29	350.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,3 trở lên	380.000

Công thức tính cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này: Dựa trên 05 tiêu chí nêu trên, cổ phiếu được mua của từng Người lao động được xác định theo công thức sau (làm tròn):

$$\text{ESOP}_i = \text{Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa} \times (a) \times (b) \times (c) \times (d) \times (e) + (g)$$

Trong đó:

- ESOP_i : Số cổ phiếu ESOP của Người lao động (i) được quyền mua
- Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 12.944.935 cổ phiếu (tối đa 1% tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty)
- (a): Hệ số Kết quả kinh doanh của công ty thành viên nơi Người lao động (i) làm việc
- (b): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban của Người lao động (i)
- (c): Là hệ số cấp bậc của Người lao động (i)
- (d): Là hệ số công việc của Người lao động (i)
- (e): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động (i)
- (g): Số cổ phiếu Người lao động i được phân phối thêm do hoàn thành xuất sắc công việc trong năm 2025

Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá lượng cổ phiếu được phép phát hành, lượng cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Nhóm 2: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 2 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số hiệu quả sáng kiến phát triển kinh doanh,
 - Hệ số cấp bậc chức vụ,
 - Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 3: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 3 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số vị trí kiêm nhiệm,
 - Hệ số thời gian kiêm nhiệm,
 - Hệ số kết quả công việc của cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 4: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 4 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số hiệu quả của dự án,
 - Hệ số cấp bậc chức vụ,
 - Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

Công thức tính cổ phiếu ESOP và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phát hành của từng người lao động:

- Số lượng cổ phiếu ESOP người lao động được phát hành tối đa là tổng số lượng cổ phiếu mà người lao động được phát hành trong từng nhóm.

Sau khi phân bổ cổ phiếu theo các tiêu chuẩn, nguyên tắc và tiêu chí nêu trên, tùy theo tính chất quan trọng của vị trí và năng lực nhân sự, Hội đồng quản trị được cân đối, điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu ESOP cuối cùng được phân bổ cho người lao động nếu cần thiết.





Số: 02/2026/BBH-ĐHĐCĐ

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại Tầng 5, GEM Center, Số 8 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**”) tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026.

THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:

1.1. Cổ đông:

Có **133** cổ đông và người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội, đại diện cho **1.115.448.805** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm tỉ lệ **86,17%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội (ngày lập danh sách cổ đông) (do Công ty có **32.583** cổ phiếu quỹ nên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là **1.294.460.962** cổ phần).

1.2. Hội đồng Quản trị đương nhiệm gồm

Ông Danny Le,	Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
Ông Trương Công Thắng,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Bà Nguyễn Hoàng Yến,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Ông Nguyễn Thiệu Quang,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Bà Nguyễn Thị Thu Hà,	Thành viên Hội đồng Quản trị;
Ông Trương Nhật Quang,	Thành viên Hội đồng Quản trị.

1.3. Ủy ban Kiểm toán đương nhiệm gồm

Ông Trương Nhật Quang,	Trưởng Ban;
Ông Nguyễn Thiệu Quang,	Thành viên.

1.4. Ban điều hành đương nhiệm gồm

Trương Công Thắng,	Tổng Giám đốc;
Bà Nguyễn Hoàng Yến,	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Phạm Hồng Sơn,	Phó Tổng Giám đốc;
Bà Nguyễn Trương Kim Phượng,	Phó Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

I - THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ DỰ HỌP:

Ban tổ chức Đại hội báo cáo kết quả đăng ký dự họp và thông báo số lượng cổ đông hợp lệ để tiến hành Đại hội phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và các Điều 17, 18 và 19 Điều lệ hiện hành của Công ty.

II - CHỦ TỌA, BẦU THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU:

Đại hội đã biểu quyết thông qua Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

1. **Chủ tọa:**

- Ông Danny Le – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

2. **Thư ký:**

- Bà Đỗ Thị Hoàng Yến

3. **Ban Kiểm phiếu:**

- Ông Huỳnh Công Hoàn - Trưởng ban
- Ông Trần Quốc Đạt - Thành viên
- Ông Nguyễn Công Tuấn Anh - Thành viên

III - GIỚI THIỆU NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI:

Ông Danny Le giới thiệu nội dung chương trình và nguyên tắc làm việc của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026, diễn ra ngày 24/4/2026 của Công ty và đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

IV- CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI:

1. Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình bày báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025.
2. Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT và Ông Trương Công Thắng – Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động năm 2025, kế hoạch năm 2026 và mục tiêu tăng trưởng trong những năm tiếp theo.
3. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2025.
4. Các vấn đề được Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua:
 - Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được kiểm toán;
 - Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026 của Công ty;
 - Phương án chia cổ tức năm 2025 và tạm ứng cổ tức năm 2026;
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026 của Công ty;
 - Thù lao của thành viên HĐQT và ngân sách hoạt động của HĐQT trong năm 2026;
 - Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); và
 - Việc miễn chào mua công khai của Công ty TNHH The Sherpa.

V- PHÁT BIỂU Ý KIẾN VÀ THẢO LUẬN:

Câu 1: Ngành hàng giải khát (Beverage) của Công ty có chiến lược thế nào?

Trả lời: Chúng tôi đã tham quan một số quốc gia và qua đó đã học hỏi được về công nghệ, sản phẩm, kinh nghiệm. Sắp tới, chúng tôi sẽ có nhiều đổi mới về sản phẩm và nhãn hiệu, như có 1-2 nhãn hiệu nước tăng lực mới; trà Búp Non cũng sẽ có nhiều cải tiến.

Câu 2: Lạm phát ảnh hưởng như thế nào tới nhu cầu tiêu dùng, có dấu hiệu giảm hay áp lực sản lượng, và giá trong năm nay thế nào?

Trả lời: Hiện nay có sự dao động về xăng dầu và một số mặt hàng, nguyên vật liệu liên quan đến xăng dầu như đồ nhựa và các nguyên vật liệu khác. Hiện giờ chúng tôi đang đánh giá là có sự biến động tăng lên, nhưng nếu nói đó là sự lạm phát trên thị trường thì chúng tôi chưa khẳng định

được, ví dụ nhưng có những thời điểm giá xăng dầu tăng lên, nhưng cũng có những thời điểm giảm xuống. Tôi cho rằng đây là sự dao động về nguyên liệu đầu vào và có những trường hợp chúng tôi cũng khó có thể kiểm soát giá, mà phải theo giá thị trường thế giới. Trong trường hợp đấy, chúng tôi quyết định không giảm chất lượng, vẫn giữ nguyên chất lượng hàng hóa và trong chừng mực nhất định chúng tôi có thể điều chỉnh giá bán ra, và trong tương lai nếu thị trường hồi phục chúng tôi sẽ giảm giá lại hoặc tăng chất lượng hơn nữa. Như vậy trong năm 2026 chúng tôi chưa thấy có sự lạm phát. Về sản lượng bán ra thì chúng tôi thấy vẫn có mức ổn định. Đối với những ngành hàng mà thị phần còn thấp, chúng tôi sẽ xây dựng nhãn hiệu và giành thêm thị phần – và đây là con đường phát triển của chúng tôi trong thời gian tới.

Câu 3: Masan có kế hoạch vào ngành sữa không?

Trả lời: Hiện chúng tôi chưa thấy lợi thế cạnh tranh của chúng tôi trong ngành sữa, chúng tôi không có nông trại... Các công ty trên thị trường đã và đang làm rất tốt, mức giá vừa phải. Quan điểm của chúng tôi: nếu không có lợi thế cạnh tranh thì không coi là mảng tập trung. Hiện tại, trước mắt, trong ngắn hạn, chưa đi vào ngành sữa. Trong tương lai thì tập trung vào các sản phẩm đảm bảo cho sức khỏe, dinh dưỡng cho người tiêu dùng.

Câu 4: Masan tập trung vào lợi nhuận hay thị phần trong bối cảnh hiện nay?

Trả lời: Giá trị lớn nhất của Masan là nhãn hiệu và ưu tiên bảo vệ nhãn hiệu. Trong trường hợp lựa chọn giữa doanh số và lợi nhuận, thì chúng tôi thường lựa chọn bảo vệ lợi nhuận, khả năng sinh lợi, tức là lãi gộp của tổng thể phải luôn được đảm bảo.

Câu 5: “3 không và 2 có” — Lẩu Tam Hoa không chất bảo quản thì có thể bảo quản ở nhà trong bao lâu?

Trả lời: Đây là sản phẩm hoàn toàn không thêm chất bảo quản và có thể trữ ở bất kỳ đâu trong điều kiện thường trong 6 tháng. Chúng tôi làm được điều này là nhờ 2 lý do: thứ nhất, ứng dụng công nghệ sấy thăng hoa - tôm và mọi thứ được sấy, tự bảo quản được trong điều kiện 6 tháng - đây là công nghệ tiên tiến nhất trong ngành công nghệ thực phẩm hiện đại; lý do thứ hai là chúng tôi luôn định giá sản phẩm này trong phân khúc super premium, tức là rất là cao để đưa công nghệ vào sản phẩm.

VI- CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI:

Sau khi thảo luận, các cổ đông tham dự đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.109.723.528 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	4.596.150 phiếu, tương ứng 0,41% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.109.723.528 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	4.596.150 phiếu, tương ứng 0,41% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.109.723.528 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	4.596.150 phiếu, tương ứng 0,41% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 4. Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: tỷ VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2026
Doanh thu thuần (Net revenue)	33.800 – 35.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT - Pre MI)	7.450 – 7.800

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.107.872.982 phiếu, tương ứng 99,42% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	1.850.528 phiếu, tương ứng 0,17% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	4.596.168 phiếu, tương ứng 0,41% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 5. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2025 của Công ty như sau:

- Chia cổ tức năm 2025: với tổng số tiền 5.270.386.980.000 VNĐ (đã thực hiện chi trả trong năm 2025: 2.628.623.585.000 VNĐ và trong năm 2026: 2.641.763.395.000 VNĐ), tương ứng với tỉ lệ 50%/cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 5.000 VNĐ) vào thời điểm chi trả.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.109.723.528 phiếu, tương ứng 99,59% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	4.596.150 phiếu, tương ứng 0,41% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 6. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2026 từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty, với mức tạm ứng cổ tức tối đa là 50% (tức 1 cổ phiếu được nhận mức tạm ứng cổ tức năm 2026 tối đa là 5.000 đồng). Phê duyệt việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2026, bao gồm việc có hoặc không có thực hiện tạm ứng cổ tức, mức tạm ứng cổ tức, số đợt chi trả, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.109.723.528 phiếu, tương ứng 99,59% tổng

	số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	4.596.150 phiếu, tương ứng 0,41% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 7. Thông qua việc chọn một trong các công ty kiểm toán dưới đây là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026 của Công ty và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc lựa chọn, ký kết và thực hiện hợp đồng kiểm toán với một trong các công ty đó:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam); và
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.318.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.318.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.109.484.810 phiếu, tương ứng 99,57% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	18 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	4.833.850 phiếu, tương ứng 0,43% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 8. Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2026 là: 0 VNĐ và kế hoạch ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm cả các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), trong năm 2026 là không quá 2 tỷ VNĐ.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.049.973.491 phiếu, tương ứng 94,23% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, tương ứng 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	64.346.187 phiếu, tương ứng 5,77% tổng số

Điều 9. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty như sau:

1. Phương án phát hành:

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty và các công ty con trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con trong năm qua, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và gắn bó lâu dài với Công ty và các công ty con.
- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh thông qua việc bổ sung vốn lưu động và/hoặc trả nợ ngắn và dài hạn của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn bởi trả tiền nhà cung cấp, trả nợ vay ngắn và dài hạn.
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời điểm phát hành dự kiến: trong năm 2026 hoặc 4 tháng đầu năm 2027. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm phát hành cụ thể.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 12.944.935 cổ phần (tương đương tối đa 1% tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty), bao gồm 32.583 cổ phiếu quỹ và tối đa 12.912.352 cổ phần mới.
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Đối tượng phát hành: là nhân viên/người lao động của Công ty và các công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các Công ty con.
- Tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình lựa chọn cho người lao động:
 - ✓ Số lượng cổ phiếu Chương trình ESOP được phân phối cho từng người lao động dựa trên các tiêu chuẩn sau:
 - Tiêu chuẩn 1: Kết quả đóng góp cho sự phát triển của Công ty và các công ty con;
 - Tiêu chuẩn 2: Trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách;
 - Tiêu chuẩn 3: Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban và cá nhân;
 - Tiêu chuẩn 4: Chức vụ;
 - Tiêu chuẩn 5: Mức lương; và
 - Tiêu chuẩn 6: Ngạch bậc.
 - ✓ Nguyên tắc xác định số cổ phần phân phối cho từng người lao động và tiêu chí đánh giá theo quy định tại Phụ lục 01 đính kèm.
 - ✓ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị căn cứ theo phương án ESOP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định Quy chế Chương trình ESOP và danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.
- Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết: trong trường hợp người lao động không thực hiện quyền mua hoặc không mua hết số lượng cổ phần được quyền mua, giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phát hành số cổ phần chưa được mua này cho

người lao động khác trong danh sách ban đầu với cùng mức giá phát hành và/hoặc ghi nhận số lượng mua thực tế và kết thúc đợt phát hành.

- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần mới thực tế được phát hành mới.
 3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành mới.
 4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành mới với Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
 5. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị:
 - quyết định thời gian thực hiện cụ thể;
 - ban hành Quy chế phát hành cổ phần theo Chương trình ESOP căn cứ trên các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - quyết định tổng số lượng cổ phần phát hành theo Chương trình ESOP và số lượng cổ phần phát hành mới phù hợp theo phương án phát hành và quy định của pháp luật;
 - quyết định danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP; số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng theo nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng người lao động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp có người lao động trong danh sách được phân bổ số lượng cổ phiếu lớn hơn số lượng cổ phiếu quỹ, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn người lao động cụ thể và phân phối toàn bộ số cổ phiếu quỹ cho người lao động này sao cho tổng số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động đảm bảo phương án và nguyên tắc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - quyết định phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để đảm bảo việc phát hành cổ phần này đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài;
 - quyết định phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết;
 - thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo giao dịch bán cổ phiếu quỹ, báo cáo phát hành cổ phiếu mới cho người lao động, báo cáo kết quả với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng cổ phiếu quỹ cho người lao động được lựa chọn;
 - thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phần mới phát hành tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế phát hành mới tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phần thực tế phát hành mới tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
 - quyết định cụ thể việc sử dụng số tiền thu được từ đợt bán cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu mới theo Chương trình ESOP;
 - bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan;

- quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	1.109.206.716 phiếu, tương ứng 99,54% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	516.812 phiếu, tương ứng 0,05% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	4.596.150 phiếu, tương ứng 0,41% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Điều 10. Phê duyệt việc Công ty TNHH The Sherpa (một công ty thành viên thuộc Tập đoàn Masan) mua thêm tối đa 10% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Phương thức biểu quyết:	Trực tiếp tại cuộc họp
Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ:	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ:	0 phiếu
Tổng số phiếu của những người có liên quan đến nội dung biểu quyết (tham gia biểu quyết):	907.233.054 phiếu
Tổng số phiếu có quyền biểu quyết (tham gia biểu quyết):	1.114.319.678 phiếu
Tổng số phiếu tán thành:	205.318.308 phiếu, tương ứng 99,15% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không tán thành:	279.108 phiếu, tương ứng 0,13% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết
Tổng số phiếu không có ý kiến:	1.489.208 phiếu, tương ứng 0,72% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp và tham gia biểu quyết

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản đã được cổ đông và người được cổ đông ủy quyền dự họp đọc và được Đại hội biểu quyết thông qua.

THƯ KÝ



ĐỖ THỊ HOÀNG YÊN

CHỦ TỌA



DANNY LE

PHỤ LỤC 01:
NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH SỐ CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI
CHO TỪNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Việc phân phối cổ phiếu Chương trình ESOP được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Phân phối cổ phiếu theo 04 nhóm người lao động, bao gồm:

- Nhóm 1: Nhóm người lao động mang lại giá trị cho cổ đông bao gồm hiệu quả kinh doanh, các sáng kiến mang tính chiến lược và huy động vốn cho Công ty, các Công ty con.
- Nhóm 2: Nhóm người lao động có các sáng kiến phát triển kinh doanh bao gồm xây dựng quan hệ đối tác dài hạn với các nhà đầu tư, phân bổ vốn hiệu quả, quản trị rủi ro chặt chẽ, đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chiến lược và thúc đẩy tài năng; đưa ra các phát kiến phát triển sản phẩm mới và mang lại những hiệu quả tích cực; các phát kiến, sáng kiến công nghệ, giúp cải tiến sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Nhóm 3: Nhóm người lao động kiêm nhiệm thêm vị trí công tác khác trong cùng một công ty trong Tập đoàn hoặc tại từ hai công ty trở lên trong Tập đoàn.
- Nhóm 4: Nhóm người lao động có tham gia vào từng dự án cụ thể trong năm trước đó.

Nguyên tắc 2: Trong mỗi nhóm người lao động được phân loại theo nguyên tắc 1 nêu trên, số cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động được xác định theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm 1: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 1 được tính dựa trên 5 tiêu chí:

- Hệ số Kết quả kinh doanh của Công ty: (Tiêu chuẩn 1)

Kết quả kinh doanh của công ty	Hệ số kết quả kinh doanh của công ty (a)
Không đạt Kế hoạch kinh doanh	Tối đa 0,65
Đạt kế hoạch kinh doanh ở mức thấp	0,65 - 0,8
Nằm trong khung kế hoạch kinh doanh ở mức thấp và mức cao	0,8 - 0,9
Đạt hoặc vượt kế hoạch kinh doanh ở mức cao	0,9 - 1,0

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của phòng ban: (Tiêu chuẩn 3)

Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban (b)
Không đạt kế hoạch KPI	Tối đa 0,6
Đạt kế hoạch kinh doanh	0,6 - 0,8
Vượt kế hoạch kinh doanh	0,8 - 1,0

- Hệ số cấp bậc, bao gồm chức vụ, mức lương và ngạch bậc: (Tiêu chuẩn 4,5,6)

Cấp bậc	Điểm cấp bậc	Hệ số cấp bậc (1 điểm = hệ số 0,0001) (c)
Cấp bậc nhân viên (rank 5)	1 - 7	0,0001 - 0,0007
Cấp bậc chuyên viên (rank 4)	8 - 20	0,0008 - 0,002

Cấp bậc Trưởng nhóm, trưởng phòng (rank 3)	30 - 50	0,003 – 0,005
Cấp bậc quản lý, giám đốc chuyên môn (rank 2)	60 - 90	0,006 - 0,009
Cấp bậc ban giám đốc, điều hành (rank 1)	100 - 200	0,01 - 0,02

- Hệ số công việc (Tiêu chuẩn 2, 3): là hệ số thể hiện tính chất công việc (trách nhiệm được giao và khối lượng công việc phụ trách), kết quả đóng góp của cá nhân cho sự phát triển của Công ty và các công ty con, tầm quan trọng của từng người lao động vào kết quả và hiệu quả hoàn thành công việc của phòng ban và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2025.

Tính chất công việc, mức độ đóng góp, tầm quan trọng	Hệ số công việc (d)
Ít quan trọng	0,1 - 0,49
Quan trọng	0,5 – 0,99
Rất quan trọng	1 - 2

- Hệ số kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (Tiêu chuẩn 3):

Lưu ý: Những người lao động làm việc dưới 6 tháng thì hệ số KPI sẽ được chia 2.

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân (e)
Không đạt KPI	0,11 - 0,49
Đạt kế hoạch KPI	0,5 - 0,70
Vượt kế hoạch KPI	0,71 - 0,99
Vượt kế hoạch KPI (xuất sắc)	1 trở lên

- Những người lao động hoàn thành xuất sắc công việc, vượt kế hoạch, mang lại kết quả đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Công ty và các công ty con sẽ được phân phối thêm một lượng cổ phiếu như sau (Tiêu chuẩn 1):

Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân	Số cổ phiếu được phân phối thêm (g)
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1 - 1,04	100.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,05 - 1,09	150.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,1 - 1,14	200.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,15 - 1,19	250.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,2 - 1,24	300.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,25 - 1,29	350.000
Vượt kế hoạch KPI có hệ số từ 1,3 trở lên	380.000

Công thức tính cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này: Dựa trên 05 tiêu chí nêu trên, cổ phiếu được mua của từng Người lao động được xác định theo công thức sau (làm tròn):

$$ESOP_i = \text{Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa} \times (a) \times (b) \times (c) \times (d) \times (e) + (g)$$

Trong đó:

- ESOPi: Số cổ phiếu ESOP của Người lao động (i) được quyền mua
- Tổng số cổ phiếu ESOP tối đa: là tổng số cổ phiếu ESOP tối đa được phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bằng 12.944.935 cổ phiếu (tối đa 1% tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty)
- (a): Hệ số Kết quả kinh doanh của công ty thành viên nơi Người lao động (i) làm việc
- (b): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của phòng ban của Người lao động (i)
- (c): Là hệ số cấp bậc của Người lao động (i)
- (d): Là hệ số công việc của Người lao động (i)
- (e): Là hệ số Kết quả hoàn thành công việc của cá nhân của Người lao động (i)
- (g): Số cổ phiếu Người lao động i được phân phối thêm do hoàn thành xuất sắc công việc trong năm 2025

Để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá lượng cổ phiếu được phép phát hành, lượng cổ phiếu ESOP của từng người trong nhóm này sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

- Nhóm 2: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 2 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số hiệu quả sáng kiến phát triển kinh doanh,
 - Hệ số cấp bậc chức vụ,
 - Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 3: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 3 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số vị trí kiêm nhiệm,
 - Hệ số thời gian kiêm nhiệm,
 - Hệ số kết quả công việc của cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

- Nhóm 4: Số cổ phiếu được phân phối cho từng nhân viên trong Nhóm 4 được tính dựa trên 3 tiêu chí:
 - Hệ số hiệu quả của dự án,
 - Hệ số cấp bậc chức vụ,
 - Hệ số đóng góp cá nhân.

Đợt này, Công ty không phát hành cổ phiếu ESOP cho nhóm này.

Công thức tính cổ phiếu ESOP và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phát hành của từng người lao động:

- **Số lượng cổ phiếu ESOP người lao động được phát hành tối đa** là tổng số lượng cổ phiếu mà người lao động được phát hành trong từng nhóm.

Sau khi phân bổ cổ phiếu theo các tiêu chuẩn, nguyên tắc và tiêu chí nêu trên, tùy theo tính chất quan trọng của vị trí và năng lực nhân sự, Hội đồng quản trị được cân đối, điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu ESOP cuối cùng được phân bổ cho người lao động nếu cần thiết.





CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 62 555 660

Fax: (84-28) 38 109 463

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi các cổ đông,

Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“**Công ty**” hoặc “**Masan Consumer**”) về các hoạt động của HĐQT trong năm 2025.
như sau:

I. KHÁI QUÁT

Tổng quan nền kinh tế Việt Nam

Theo Tổng cục thống kê, GDP tăng trưởng gần 8.0% trong năm 2025, mức cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025, Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới, đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Trong đó, động lực chính của sự tăng trưởng đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp, sự bùng nổ của kinh doanh quốc tế và giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, đà phục hồi của tiêu dùng nội địa tương đối khiêm tốn khi tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa tuy có cải thiện nhưng vẫn ở mức tương đương với tăng trưởng GDP, cho thấy nhu cầu tiêu dùng của hộ gia đình chưa hoàn toàn phục hồi.

Quy mô GDP năm 2025 ước đạt 514 tỷ USD, đưa Việt Nam vươn lên vị trí thứ 32 thế giới. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD, gấp 1,4 lần năm 2020, đưa Việt Nam vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao với tiềm năng tiêu dùng bùng nổ mạnh mẽ trong giai đoạn sắp tới.

Tổng quan ngành hàng FMCG

Năm 2025, thị trường tiêu dùng Việt Nam tiếp tục duy trì nền tảng tăng trưởng tích cực. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng khoảng 9% so với cùng kỳ, trong khi GDP duy trì đà tăng trưởng quanh mức 8%. Các chỉ số này phản ánh sức cầu nội địa vẫn bền vững, tạo nền tảng thuận lợi cho thị trường tiêu dùng trong trung và dài hạn.

Trong bối cảnh đó, thị trường FMCG và bán lẻ bước vào giai đoạn tăng trưởng mang tính chất lượng. Theo NielsenIQ, FMCG Việt Nam năm 2025 tiếp tục tăng trưởng dương về giá trị (khoảng 2,4%), trong khi hệ thống bán lẻ ngày càng phân mảnh và số hóa mạnh mẽ. Thương mại điện tử duy trì mức tăng trưởng trên 40%, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc dẫn dắt hành vi mua sắm và giới thiệu các mô hình tiêu dùng mới.

Các xu hướng tiêu dùng định hình thị trường 2025

1. Tiêu dùng bước sang pha “mua đúng”, không còn mở rộng đại trà

Năm 2025 đánh dấu sự chuyển dịch rõ rệt từ tiêu dùng theo quán tính sang tiêu dùng có chủ đích. Người tiêu dùng không cắt giảm chi tiêu, nhưng tái phân bổ ngân sách sang những sản phẩm thực sự mang lại giá trị trong đời sống hằng ngày. Theo NielsenIQ, FMCG Việt Nam vẫn tăng

trưởng dương về giá trị (khoảng 2,4%) trong khi sản lượng tiêu thụ suy giảm, cho thấy tăng trưởng không còn đến từ “mua nhiều hơn”, mà từ lựa chọn kỹ hơn.
Chuyển biến cốt lõi: tăng trưởng dịch chuyển từ sản lượng sang giá trị.

2. Cao cấp hóa hợp lý gắn với sức khỏe và sự an tâm dài hạn

Cao cấp hóa năm 2025 không còn mang tính hình ảnh hay xu hướng ngắn hạn. Người tiêu dùng sẵn sàng chi trả cao hơn cho những lợi ích hữu hình và dài hạn như chất lượng nguyên liệu, sự tiện lợi và cảm giác an tâm khi sử dụng thường xuyên. Phân khúc trung – cao cấp “vừa túi tiền” tiếp tục mở rộng, trong khi các dòng thuần giá chịu áp lực lớn.

Chuyển biến cốt lõi: cao cấp hóa được định nghĩa lại bằng giá trị sử dụng thực tế.

3. Từ sản phẩm sang giải pháp: tiêu dùng được tổ chức theo dịp và bối cảnh

Hành vi tiêu dùng ngày càng phân mảnh theo dịp sử dụng: ngày thường, cuối tuần, tụ họp hay trải nghiệm cá nhân. Người tiêu dùng tìm kiếm các giải pháp giúp đạt được kết quả mong muốn nhanh hơn và dễ dàng hơn, thay vì lựa chọn từng sản phẩm riêng lẻ.
Chuyển biến cốt lõi: tăng trưởng đến từ gia tăng tần suất tiêu dùng.

4. Thế hệ tiêu dùng trẻ định hình lại tiêu chuẩn sản phẩm và trải nghiệm

Gen Y và Gen Z trở thành lực lượng tiêu dùng chủ đạo, với nhu cầu lớn về tính tiện lợi, cá nhân hóa và trải nghiệm tiêu dùng. Quyết định mua chịu ảnh hưởng mạnh từ khả năng “dùng được ngay – thấy kết quả ngay”, hơn là sự trung thành thương hiệu truyền thống.

Chuyển biến cốt lõi: thương hiệu phải được chứng minh trong từng lần sử dụng.

5. Nền tảng số hóa (digital) trở thành nơi hình thành quyết định mua

Nền tảng số hóa không còn là kênh hỗ trợ mà trở thành điểm xuất phát của hành trình mua sắm. Với tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử trên 40%, người tiêu dùng ngày càng tìm hiểu, so sánh và học cách sử dụng sản phẩm trên nền tảng số trước khi ra quyết định.

Chuyển biến cốt lõi: quyết định mua hình thành trước kệ hàng, trên môi trường số.

6. Kênh hiện đại (MT) trở thành trụ cột dẫn dắt giá trị và niềm tin

MT ngày càng đóng vai trò trung tâm trong việc giới thiệu sản phẩm mới, dẫn dắt xu hướng cao cấp hóa và giúp người tiêu dùng so sánh giá trị minh bạch. MT chuyển từ kênh phân phối sang kênh định hình lựa chọn tiêu dùng.

Chuyển biến cốt lõi: MT trở thành điểm neo niềm tin trong hành trình mua sắm.

Cơ hội vươn ra thị trường toàn cầu

Bên cạnh cơ hội tăng trưởng trong nước, năm 2025 mở ra triển vọng rõ nét cho các doanh nghiệp tiêu dùng Việt Nam đã xây dựng được nền tảng nội địa vững chắc vươn ra thị trường khu vực và toàn cầu. Quy mô thị trường nội địa lớn cho phép doanh nghiệp hoàn thiện năng lực R&D, chuỗi cung ứng và mô hình vận hành, từ đó giảm rủi ro khi mở rộng ra quốc tế.

Trong bối cảnh người tiêu dùng toàn cầu ngày càng quan tâm đến ẩm thực châu Á, giải pháp nấu ăn tiện lợi và các sản phẩm mang bản sắc địa phương, các thương hiệu Việt có cơ hội đưa những

danh mục đã được kiểm chứng tại thị trường trong nước ra thế giới. Toàn cầu hóa vì vậy là bước phát triển chiến lược dựa trên năng lực lõi và giá trị thương hiệu đã được khẳng định.

Kết quả tài chính của MCH và theo từng ngành hàng

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 30.557 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,1% so với cùng kỳ năm trước, trong khi quá trình chuyển đổi hệ thống phân phối bắt đầu cho thấy những kết quả tích cực với mức tăng trưởng hai chữ số mạnh mẽ tại các kênh hiện đại, HORECA, Thương mại điện tử và Kinh doanh quốc tế, cùng với sự phục hồi bước đầu của kênh truyền thống. Công ty tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu ở các ngành hàng cốt lõi và gia tăng thị phần ở các ngành hàng khác, được hỗ trợ bởi sự phục hồi của ngành hàng Gia vị và đà tăng trưởng bền vững của ngành hàng Thực phẩm tiện lợi và Hóa mỹ phẩm, cả hai đều ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu ở mức hai chữ số cao.

Ngành hàng Gia vị – Chiến lược Cao cấp hóa và Mở rộng Danh mục

Trong năm 2025, Ngành hàng Gia vị tiếp tục giữ vai trò trụ cột với doanh thu thuần nội địa năm 2025 ghi nhận 10.405 tỷ đồng, giảm 7,1% so với năm 2024. Doanh thu ngành Gia vị bị ảnh hưởng tiêu cực từ thay đổi mang tính cấu trúc của kênh truyền thống trong giai đoạn chuyển đổi chính sách quản lý mới, cùng với áp lực ngắn hạn khi triển khai hệ thống phân phối mới làm ảnh hưởng đến chính sách hàng tồn kho của điểm bán hàng. Bên cạnh đó, theo Kantar Việt Nam, tâm lý tiêu dùng bị suy yếu bởi lo ngại về lạm phát, an toàn vệ sinh thực phẩm và thu nhập, đặc biệt trong quý 2 năm 2025 dù đã có tín hiệu phục hồi trong các quý cuối năm. Tuy nhiên, Công ty vẫn ghi nhận những tín hiệu tích cực từ hoạt động xây dựng thương hiệu để củng cố sức mạnh thương hiệu và duy trì mức thị phần cao.

Thương hiệu Nam Ngư không ngừng nâng cấp giá trị ngành hàng chủ lực với câu chuyện: Tiên phong nâng tầm các đặc sản Việt, mở ra ngành hàng mới gia vị trên nền nước mắm. Sản phẩm Nam Ngư ớt tỏi Lý Sơn tiếp tục mang lại sự mới mẻ, phù hợp với cuộc sống hiện đại, nắm bắt xu hướng tiện lợi được ưa chuộng bởi giới trẻ GenZ - thế hệ mua sắm mới. Đồng thời ngành hàng nước mắm cũng không ngừng nâng cấp người tiêu dùng từ phân khúc bình dân lên phổ thông, tiếp tục xây dựng phân khúc nước mắm cao cấp với những chai thủy tinh ngon hảo hạng, sang trọng trong gian bếp.

CHIN-SU tiếp tục ra mắt các sản phẩm ở phân khúc cao cấp để nắm bắt xu hướng cao cấp hóa và tầng lớp trung lưu mở rộng ở thị trường nội địa. Nước mắm CHIN-SU Ủ CHƯỘP 365 NGÀY – 40 ĐỘ ĐẠM với định vị cao cấp và chất lượng vượt trội, phù hợp cho mọi món ăn, tiếp tục củng cố vị thế của thương hiệu CHIN-SU ngành hàng nước mắm cao cấp.

Ngành hàng gia vị tiếp tục mở rộng với những ngành hàng mới như bột gia vị, dầu hào, dầu ăn, muối ớt xanh, muối ớt đỏ, các loại gia vị tiện lợi..., hướng tới phân khúc khách hàng trẻ, định vị cao cấp và tốt cho sức khỏe.

Với chiến lược Vươn ra Thế giới – Đưa ẩm thực Việt Nam ra bình diện toàn cầu (“Go Global” - Make Vietnamese Food Global Foods), CHIN-SU với sản phẩm chủ lực là tương ớt đang tiên phong trong hành trình đi ra thế giới. Tương ớt CHIN-SU được đón nhận tại các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... với sự xuất hiện rộng khắp ở các chuỗi siêu thị lớn như Costco, Woolworth,... Năm 2026 CHIN-SU sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn cho chiến lược “Go Global”, mở rộng sang các sản phẩm nước mắm và các sản phẩm gia vị khác từ Việt Nam để chinh phục các thị trường thế giới.

Masan Consumer tập trung chiến lược vào cao cấp hóa các sản phẩm gia vị thiết yếu trong đời sống hàng ngày, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng khi thu nhập cá nhân tăng và chuyển dịch lên nhóm thu nhập trung đến cao. Giai đoạn cao cấp hóa này đánh dấu bước tiến tiếp theo sau giai đoạn chuyển đổi từ sản phẩm không thương hiệu sang sản phẩm có thương hiệu, nhằm đáp ứng xu hướng người tiêu dùng tìm kiếm các sản phẩm chất lượng, tiện lợi và

mang giá trị cảm xúc. Xu hướng cao cấp hóa được củng cố bởi bối cảnh kinh tế vĩ mô tích cực tại Việt Nam, với thu nhập khả dụng bình quân đầu người dự kiến tăng trưởng CAGR 7,5% từ 2024 đến 2029, đồng thời GDP bình quân đầu người dự kiến đạt CAGR 6,7% trong cùng giai đoạn, đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế chuyển dịch lên phân khúc thu nhập trung đến cao.

Trong phân khúc nước mắm và nước tương, các sản phẩm cao cấp đang tăng trưởng nhanh hơn đáng kể so với phân khúc đại chúng, phản ánh xu hướng người tiêu dùng sẵn sàng trả thêm cho các sản phẩm có chất lượng cao, an toàn cho sức khỏe, được sản xuất từ nguyên liệu tự nhiên, không chất bảo quản và mang trải nghiệm ẩm thực vượt trội. Cụ thể, phân khúc nước mắm cao cấp dự kiến tăng từ 15% hiện tại lên 30% thị trường vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng CAGR 13,8% trong khi phân khúc đại chúng tăng trưởng 4,8%. Đối với nước tương cao cấp, thị phần dự kiến đạt 56% vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng CAGR 8,6% so với 2,8% của phân khúc phổ thông. Kết quả khảo sát của Frost & Sullivan cho thấy gần 90% người tiêu dùng sẵn sàng trả thêm trung bình 10–11% để mua các sản phẩm cao cấp đáp ứng các tiêu chuẩn trên.

Các Thương Hiệu Mạnh như Nam Ngư và CHIN-SU sở hữu thị phần dẫn đầu và mức độ nhận biết thương hiệu vượt trội, duy trì trên 60% thị phần trong hơn một thập kỷ, tạo nền tảng vững chắc để dẫn dắt xu hướng cao cấp hóa, nâng cao giá trị danh mục và thúc đẩy biên lợi nhuận. Việc chuyển đổi từ sản phẩm giá thấp và phổ thông lên các sản phẩm cao cấp sẽ tạo cơ hội gia tăng giá trị sản phẩm đáng kể. Điển hình, sản phẩm nước mắm có thương hiệu cao cấp có thể định giá từ khoảng 3,0–4,0 USD/lít (so với 1,3–2,5 USD/lít sản phẩm không có thương hiệu), cho thấy giá trị của uy tín thương hiệu và chất lượng vượt trội. Chiến lược của MCH tập trung phát triển các sản phẩm cao cấp với các giá trị gia tăng sau:

- **Chất lượng vượt trội:** nâng cao giá trị dinh dưỡng và lợi ích sức khỏe cho mọi lứa tuổi, từ trẻ em đến người cao tuổi.
- **Tiện lợi và tiêu thụ trong nhiều dịp:** đáp ứng nhu cầu nấu nướng nhanh, tiện lợi cho nhiều dịp khác nhau (ví dụ: Nam Ngư pha sẵn tỏi ớt với nước mắm).
- **Trải nghiệm sản phẩm:** bao bì cao cấp tăng giá trị cảm nhận và niềm tin (ví dụ: nâng cấp từ chai nhựa sang chai thủy tinh đặc trưng cho CHIN-SU Cá Cơm Biển Đông).
- **Công nghệ sản xuất tiên tiến:** áp dụng phương pháp ủ tự nhiên, mang lại lợi ích sức khỏe và đảm bảo chất lượng cao (ví dụ: nước tương pha sẵn chất lượng cao với các lợi ích sức khỏe).

Đối với các danh mục gia vị khác như gia vị tổng hợp và bột nêm, chiến lược tập trung đồng thời vào cao cấp hóa sản phẩm và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Bằng cách cải thiện công thức và nâng cao hiệu quả chi phí, MCH hướng tới cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, đồng thời giữ được khả năng tiếp cận với đại đa số người tiêu dùng. Nhãn hiệu CHIN-SU được sử dụng để mở rộng sang danh mục “giải pháp gia vị toàn diện”, bao gồm sốt nấu, gia vị pha sẵn, các loại gia vị chuyên dụng, nước sốt chấm đặc trưng và các sản phẩm mới như dầu mắm gạo hay mayonnaise kết hợp với ớt, đáp ứng nhu cầu ẩm thực tại gia cũng như ngoài gia đình.

Song song với cao cấp hóa, MCH mở rộng mục đích sử dụng gia vị sang nhiều dịp tiêu dùng mới nhằm tăng mức độ thâm nhập hộ gia đình. Có thể kể đến ớt sa tế trước đây chủ yếu dùng để chấm hoặc ăn kèm với phở, bún, miến, nay được định vị là nguyên liệu đa năng cho các món ăn hàng ngày và công thức nấu ăn chất lượng nhà hàng. Sản phẩm nước mắm và nước tương cao cấp cũng được chuyển đổi thành các giải pháp nấu ăn đa dạng bao gồm các chai gia vị pha sẵn tiện lợi, dễ sử dụng, phục vụ cả nhu cầu tại nhà và ngoài nhà.

Với sức mạnh thương hiệu, năng lực đổi mới sản phẩm và chiến lược đa dạng hóa danh mục, MCH không chỉ củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành gia vị mà còn khai thác tối đa cơ hội thị trường, nâng cao trải nghiệm người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của toàn bộ hệ sinh thái ẩm thực Việt Nam.

Thực phẩm Tiện lợi: Chiến lược Cao cấp hóa và đẩy mạnh tiêu thụ trong/ ngoài gia đình

Trong ngành Thực phẩm Tiện lợi, Masan Consumer tiếp tục triển khai chiến lược cao cấp hóa như một động lực tăng trưởng chủ chốt, ghi nhận doanh thu 9.327 tỷ đồng trong năm 2025, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức tăng trưởng được thúc đẩy bởi thương hiệu Omachi khi dẫn dắt xu hướng cao cấp hóa của ngành hàng. Trong khi đó, thương hiệu Kokomi bị ảnh hưởng tiêu cực do sự suy giảm chung của phân khúc bình dân, nhưng đã có dấu hiệu hồi phục dần từ quý 4 năm 2025 nhờ chiến dịch tái tung và đẩy mạnh dòng sản phẩm trong phân khúc phổ thông.

Tại Việt Nam, khái niệm “thực phẩm tiện lợi” trong nhiều năm thường được đồng nhất với mì ăn liền – một sản phẩm được xem là hàng hóa cơ bản, phục vụ nhu cầu tiện lợi và giá rẻ, thay vì là một lựa chọn tiêu dùng mang tính thưởng thức. Trước khi Omachi ra đời, mì ăn liền thường gắn với những tình huống tiêu thụ mang tính tạm thời hoặc bất đắc dĩ, dẫn đến việc giá trị của sản phẩm bị giới hạn ở phân khúc giá thấp.

Sự ra đời của Omachi đã mở ra một cách tiếp cận khác đối với ngành hàng này. Masan Consumer tái định nghĩa mì ăn liền không chỉ dựa trên yếu tố giá và sự tiện lợi, mà còn trên các giá trị gia tăng dành cho người tiêu dùng. Bằng việc nhấn mạnh yếu tố chất lượng và sự an tâm khi sử dụng, tiêu biểu là sản phẩm mì làm từ khoai tây, Omachi đã chứng minh sản phẩm này xứng đáng với mức chi trả cao hơn từ người tiêu dùng, nâng cao giá trị ngành hàng lên một phân khúc cao hơn so với mặt bằng chung của thị trường. Từ đó, Công ty tiếp tục tích hợp các yếu tố về trải nghiệm thưởng thức, dinh dưỡng và phong cách sống hiện đại vào các dòng mì trộn, mì hộp, qua đó mở rộng các phân khúc giá trung và cao cấp.

Từ năm 2023, Masan Consumer tiếp tục mở rộng chiến lược cao cấp hóa sang phân khúc “bữa ăn hoàn chỉnh” với các sản phẩm mang trải nghiệm tương đương nhà hàng, như lẩu tự sôi và cơm tự chín, được định vị ở phân khúc giá trung cấp đến cao cấp và tích hợp các công nghệ tiên tiến của ngành Thực phẩm Tiện lợi. Đến năm 2025, Công ty ứng dụng các công nghệ cốt lõi này với phân khúc phổ thông hơn thông qua dòng sản phẩm Quán Xá Châu Á, được định vị để cạnh tranh trực tiếp với các món ăn truyền thống. Các sản phẩm này mang đến cho người tiêu dùng giải pháp bữa ăn tiện lợi, chất lượng ổn định và trải nghiệm nhất quán, phù hợp với nhiều bối cảnh sử dụng khác nhau như tiêu thụ tại nhà hàng ngày hoặc tiêu thụ bên ngoài gia đình trong các chuyến công tác hoặc du lịch xa nhà.

Thông qua chiến lược cao cấp hóa và mở rộng tiêu thụ trong và ngoài gia đình, Masan Consumer tập trung vào gia tăng giá trị sản phẩm, thay vì chỉ dừng lại ở tăng sản lượng. Omachi luôn tiên phong tạo lập thị trường và dẫn dắt các xu hướng tiêu dùng mới trong ngành Thực phẩm Tiện lợi. Trong trung và dài hạn, Công ty kỳ vọng phân khúc cao cấp sẽ chiếm khoảng 50% quy mô toàn ngành Thực phẩm Tiện lợi, trong đó Masan Consumer đặt mục tiêu nắm giữ khoảng 60% thị phần của phân khúc này, qua đó củng cố vị thế dẫn đầu và xây dựng nền tảng tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

Theo Frost & Sullivan, mì ăn liền cao cấp chiếm 23,8% quy mô thị trường mì ăn liền năm 2017 và dự kiến tăng lên 45,0% vào năm 2029. Thị trường thực phẩm tiện lợi cao cấp được kỳ vọng tăng trưởng với CAGR 16,3% trong giai đoạn 2017–2024, vượt trội so với phân khúc mì ăn liền phổ thông, vốn chỉ tăng trưởng với CAGR 6,8% trong cùng giai đoạn.

Xu hướng phân khúc cao cấp tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn phân khúc phổ thông được dự báo sẽ tiếp tục duy trì, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm giai đoạn 2024–2029 của phân khúc cao cấp và phổ thông lần lượt đạt 12,2% và 4,4%. Quá trình cao cấp hóa liên tục của thị trường mì ăn liền đã thúc đẩy giá bán bình quân (ASP) tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm 6,1% trong giai đoạn 2017–2024 và dự kiến tiếp tục tăng với tốc độ tăng trưởng kép hàng

năm 5,9% trong giai đoạn 2024–2029. Theo khảo sát của Frost & Sullivan, 88% người được hỏi cho biết sẵn sàng chi trả cao hơn cho các sản phẩm mì ăn liền cao cấp, tập trung vào sức khỏe, được làm từ nguyên liệu dinh dưỡng, không chất bảo quản, có thể dùng thay thế bữa ăn, với chất lượng và hương vị vượt trội. Dựa trên kết quả khảo sát, người tiêu dùng sẵn sàng chi trả trung bình cao hơn khoảng 10% cho các sản phẩm mì ăn liền cao cấp.

Nước uống đóng chai

Năm 2025, ngành hàng đồ uống đóng chai và thức uống dinh dưỡng của Masan Consumer đạt doanh thu thuần nội địa nội địa 4.901 tỷ đồng, giảm 7,0% so với năm 2024.

Các biến động vĩ mô ảnh hưởng đến tâm lý tiêu dùng đã tác động tiêu cực đến ngành hàng này trong năm 2025, theo báo cáo của Kantar Việt Nam. Bên cạnh đó, sự chuyển dịch hệ thống phân phối mới cũng phần nào gây ra thay đổi trong chính sách hàng tồn kho của điểm bán, ảnh hưởng đến doanh thu của ngành hàng. Tuy nhiên, điểm sáng trong năm 2025 là Công ty ghi nhận những tín hiệu tích cực ban đầu trong quá trình tái khởi động và xây dựng các thương hiệu, tiêu biểu là Vivant và Compact. Trong đó, Compact đã đẩy nhanh chiến lược mở rộng danh mục sản phẩm thông qua việc ra mắt các hương vị mới như dứa và lựu, góp phần đa dạng hóa danh mục và mở rộng tệp người tiêu dùng. Song song đó, Bupnon Tea 365 đã thực hiện làm mới bao bì và triển khai các chiến dịch truyền thông mới, qua đó gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu và thúc đẩy tương tác với người tiêu dùng. Những sản phẩm mới này dự kiến sẽ đóng góp tích cực vào doanh thu năm 2026.

Tận dụng Nền tảng Bán lẻ Tích hợp

Chúng tôi tập trung khai thác nền tảng bán lẻ – tiêu dùng tích hợp để phát triển và tung ra các sản phẩm đồ uống đóng chai có khả năng chiến thắng thị trường. Nền tảng này bắt đầu từ các thấu hiểu người tiêu dùng sâu sắc thông qua Trung tâm Thông tin Người tiêu dùng (CIC) kết hợp với mô hình R&D “Connect + Develop”, nhằm xác định các nhu cầu lớn nhưng chưa được đáp ứng của người tiêu dùng và làm nền tảng cho sản phẩm mới. Tiếp theo, chúng tôi tận dụng hệ sinh thái WinCommerce để triển khai thử nghiệm sản phẩm trên quy mô lớn, thu thập phản hồi trực tiếp từ người tiêu dùng và liên tục tinh chỉnh sản phẩm. Khi xác định được sản phẩm mới có tỷ lệ thành công cao trong WinCommerce, chúng tôi sẽ triển khai phân phối rộng rãi ra thị trường trên phạm vi toàn quốc.

Trong bối cảnh thị trường đồ uống đóng chai có mức độ cạnh tranh cao và tỷ lệ thành công lịch sử của các sản phẩm mới khá thấp, khả năng thử nghiệm ở quy mô lớn thông qua WinCommerce mang lại cho chúng tôi lợi thế cạnh tranh khác biệt. Năng lực này giúp giảm thiểu rủi ro, rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường (go-to-market) và gia tăng xác suất tạo ra các sản phẩm mới thành công.

Chiến lược Mở rộng Danh mục Sản phẩm

Chúng tôi định hướng phát triển danh mục sản phẩm thông qua khai thác các nhu cầu thiết yếu và xây dựng lối sống của người tiêu dùng, tập trung vào xu hướng sức khỏe và yêu thích hương vị địa phương, thông qua chiến lược đa hướng nhằm nâng cấp và mở rộng danh mục đồ uống đóng chai trên nhiều phân khúc.

- **Nước tăng lực:** Theo Frost & Sullivan, Việt Nam là quốc gia có mức tiêu thụ nước tăng lực bình quân đầu người cao nhất khu vực APAC, được thúc đẩy bởi nhóm lao động phổ thông và sinh viên – những đối tượng tìm kiếm sự tỉnh táo nhanh và hương vị đậm. Làn sóng đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI) vào các khu công nghiệp trong 5–10 năm qua đã làm gia tăng đáng kể số lượng lao động phổ thông, qua đó trở thành động lực tăng trưởng quan trọng cho ngành hàng này. Bên cạnh đó, các hương vị bản địa được người tiêu dùng ưa chuộng nhưng vẫn chưa được khai thác hiệu quả bởi các thương hiệu nước tăng lực

lớn. Để nắm bắt cơ hội này, chúng tôi đã ra mắt dòng nước tăng lực vàng truyền thống – nhằm mở rộng độ phủ tới nhóm lao động phổ thông, đồng thời phát triển các sản phẩm nước tăng lực hương trái cây dưới thương hiệu Compact để thu hút nhóm người tiêu dùng trẻ. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục tận dụng sức mạnh thương hiệu và kinh nghiệm về hương vị cà phê của Wake-Up 247 để đổi mới các dòng nước tăng lực có vị cà phê sữa, qua đó bao phủ toàn bộ các dịp tiêu thụ liên quan đến cà phê. Xa hơn, danh mục nước tăng lực sẽ được mở rộng toàn diện về thành phần tự nhiên như nước uống thảo mộc và công năng sử dụng như nước khoáng thể thao cũng như phân khúc giá, bao gồm cả phân khúc phổ thông, nhằm tiếp cận dải người tiêu dùng rộng hơn.

- **Trà đóng chai:** Tăng trưởng của thị trường trà đóng chai chủ yếu được thúc đẩy bởi tăng trưởng sản lượng và sẽ tiếp diễn nhờ mức tiêu thụ bình quân đầu người hiện vẫn còn thấp, cùng với xu hướng người tiêu dùng chuyển dịch từ nước giải khát có gas sang các lựa chọn thức uống có lợi cho sức khỏe. Theo Frost & Sullivan, trong các phân khúc trà truyền thống, trà trái cây và trà thảo mộc, trà trái cây đóng chai sẽ tiếp tục chiếm ưu thế nhờ sự đa dạng hương vị, nhận thức ngày càng cao về sức khỏe và cơ cấu dân số trẻ. Chiến lược của chúng tôi tập trung vào các hương vị trái cây, đồng thời từng bước thâm nhập phân khúc trà đóng chai cao cấp khi người tiêu dùng ngày càng có xu hướng cao cấp hóa trong ngành hàng này.
- **Các sản phẩm khác:** Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với các lựa chọn tốt cho sức khỏe, chúng tôi sẽ tiếp tục giới thiệu các sản phẩm như nước tăng lực ít đường, đồ uống dinh dưỡng, nước uống bổ sung vitamin và các dòng trà đóng chai cao cấp.

Cà phê

Năm 2025, ngành hàng Cà phê đạt doanh thu thuần nội địa 1.821 tỷ đồng, tăng trưởng 2,9% so với năm 2024. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành hàng cà phê hòa tan bởi các đối thủ trong và ngoài nước, Vinacafé tiếp tục đẩy mạnh chiến dịch truyền thông trong dịp cao điểm tiêu thụ, nhờ bản sắc thương hiệu màu đỏ mang tính biểu tượng, qua đó nhấn mạnh mục đích làm quà nhằm củng cố mức độ gắn kết cảm xúc và giá trị thương hiệu. Bước sang năm 2026, Vinacafé dự kiến ra mắt các sản phẩm mới trong hình thức mới như cà phêphin/drip và cà phê viên nén, sử dụng hạt Fine Robusta đặc sản của Việt Nam, qua đó mở rộng danh mục sản phẩm và tiếp tục chinh phục chiến lược “Go Global” trong dài hạn. Wake-up đã tiếp tục ưu tiên mở rộng độ bao phủ phân phối cho các sản phẩm mới như Wake-up Tây Nguyên và White Coffee, nhằm gia tăng mức độ hiện diện tại điểm bán và củng cố khả năng cạnh tranh trong bối cảnh thị trường ngày càng phân mảnh.

Khi nhận thức về sức khỏe của người tiêu dùng Việt Nam ngày càng tăng, nhu cầu cho các sản phẩm cà phê lành mạnh hơn, chẳng hạn như cà phê hòa tan không đường hoặc ít calo, đang gia tăng liên tục. Một số nhà sản xuất đang giới thiệu các sản phẩm cà phê hòa tan cao cấp, thu hút những người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe, ưa chuộng đồ uống hỗ trợ sức khỏe và bổ sung năng lượng.

Với thu nhập ngày càng tăng, người tiêu dùng sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn cho các sản phẩm cao cấp như cà phê rang xay đặc sản hoặc cà phê pha tại chỗ. Cà phê đang dần chuyển từ một loại đồ uống đơn thuần sang một sản phẩm cao cấp, được thưởng thức như một phần của phong cách sống nâng tầm. Theo báo cáo của Frost & Sullivan, thị trường cà phê hòa tan đạt quy mô 584 triệu USD trong năm 2024 và kì vọng tăng trưởng hàng năm 6,7% đến 2029.

Ngành Hóa mỹ phẩm

Trong năm 2025 ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình đóng góp 2.174 tỷ đồng vào doanh thu thuần nội địa, tăng trưởng 14,3% so với năm 2024. Nhân hàng Chanté tiếp tục là một trong những nhãn hàng dẫn đầu về sản phẩm Giặt giũ trong WinCommerce, mở rộng hệ thống phân phối mạnh mẽ sang kênh thương mại điện tử (E-

commerce). Bên cạnh đó, hệ thống kênh phân phối truyền thống là động lực cho sự tăng trưởng của ngành hàng này. Ngoài ra, Công ty đã tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng doanh thu nhãn hiệu NET bằng việc mở rộng phân phối ra toàn quốc, đồng thời xây dựng nhãn hiệu Santoso trong WinCommerce trước khi phân phối rộng rãi trên toàn quốc.

Sản phẩm mới vượt trội chiếm lĩnh kênh hiện đại trước khi mở rộng sang kênh truyền thống để củng cố thị trường

Chúng tôi áp dụng chiến lược đã được kiểm chứng nhằm thúc đẩy tăng trưởng và gia tăng thị phần trong ngành hàng Hóa mỹ phẩm, theo đó tập trung nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, chiến thắng tại kênh bán lẻ hiện đại thông qua nền tảng WinCommerce, trước khi mở rộng sang kênh truyền thống để củng cố vị thế thị trường. Hiện nay, kênh hiện đại đóng góp khoảng 40% doanh thu HPC của chúng tôi, trong khi các thương hiệu Chanté và Homey đang nắm giữ khoảng 40% thị phần trong hệ thống WinCommerce.

Dựa trên những bài học thành công từ Chanté tại WinCommerce, chúng tôi định hướng mở rộng mạnh mẽ sang kênh truyền thống – nơi còn nhiều dư địa tăng trưởng. Song song đó, chúng tôi tiếp tục đầu tư xây dựng thương hiệu và gia tăng thị phần trong ngành HPC thông qua các hoạt động truyền thông đại chúng (TVC, tài trợ), cũng như mở rộng hiện diện trên kênh thương mại điện tử, nơi chúng tôi đã xây dựng mạng lưới khoảng 25 nghìn affiliate và hơn 120 nghìn nội dung mỗi tháng trong năm 2025.

Chiến lược Mở rộng Danh mục Sản phẩm

Trong ngành sản phẩm giặt giũ, chúng tôi cung cấp các sản phẩm có chất lượng vượt trội với mức giá hợp lý, tập trung khai thác sức mạnh của các thương hiệu Chanté và NET – những thương hiệu đã được nhận diện tốt trong phân khúc bột giặt và nước giặt – để mở rộng sang các danh mục liên kề như nước rửa chén và lau sàn. Về hệ thống phân phối, chúng tôi tiếp tục củng cố vị thế của NET tại khu vực miền Nam và miền Tây thông qua chiến lược giá, các đặc tính làm sạch đã được kiểm nghiệm lâm sàng và lợi thế công năng khác.

Sau khi đạt thành công vượt trội tại WinCommerce với vị thế là thương hiệu nước giặt bán chạy nhất và lọt top 4 thương hiệu tại các hệ thống bán lẻ hiện đại khác, Chanté đã được triển khai trên toàn quốc thông qua mạng lưới phân phối kênh truyền thống. Chúng tôi tiếp tục xây dựng và củng cố bản sắc thương hiệu Chanté, hướng tới việc được chứng thực bởi các chuyên gia trong những lĩnh vực liên quan; ví dụ, Chanté được các nhà thiết kế thời trang đánh giá cao nhờ hương thơm bền lâu và khả năng làm sạch hiệu quả mà không gây hại cho sợi vải. Trong dài hạn, Chanté được kỳ vọng trở thành thương hiệu trụ cột trong danh mục HPC của Công ty và mở rộng sang các ngành hàng chăm sóc gia đình liên kề như rửa tay, rửa chén và lau sàn.

Bên cạnh đó, chúng tôi tiếp tục đa dạng hóa danh mục HPC và xây dựng các phân khúc của tương lai, tập trung vào chăm sóc cá nhân, làm đẹp và chăm sóc răng miệng. Chúng tôi dự kiến mở rộng sang các danh mục tắm, chăm sóc cơ thể và chăm sóc tóc với thương hiệu mới Santoso – một sản phẩm có nguồn gốc Nhật Bản, sử dụng thành phần tự nhiên, được định giá hợp lý nhằm đáp ứng các nhu cầu chăm sóc cơ bản của gia đình.

Go Global – Động lực tăng trưởng chiến lược của Masan Consumer

Masan Consumer theo đuổi chiến lược Go Global với tầm nhìn dài hạn “Make Vietnamese Foods Global Foods”, nhằm đưa các sản phẩm mang bản sắc ẩm thực Việt Nam trở thành lựa chọn quen thuộc của người tiêu dùng toàn cầu. Chiến lược này được triển khai đồng bộ trên ba trụ cột: khai phá thị trường mới, mở rộng kênh phân phối và đầu tư xây dựng thương hiệu một cách bền vững. Qua đó, mảng kinh doanh quốc tế của Masan Consumer đã đạt doanh thu gần 1.674 tỷ đồng, tăng trưởng 26,8% so với cùng kỳ trong năm 2025.

Masan sở hữu danh mục các thương hiệu biểu tượng của Việt Nam như CHIN-SU, Omachi và Vinacafé, đã được xây dựng vững chắc tại thị trường nội địa và có đủ nền tảng để cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Trong đó, đầu tư xây dựng thương hiệu và kết nối người tiêu dùng được xác định là yếu tố then chốt, song hành cùng năng lực sản phẩm và hệ thống phân phối, nhằm tạo ra tăng trưởng dài hạn tại các thị trường nước ngoài.

Trong năm 2025, bên cạnh nỗ lực mở rộng thị trường và kênh bán lẻ, Masan đẩy mạnh đầu tư xây dựng thương hiệu tại các thị trường trọng điểm, coi đây là điều kiện tiên quyết để thâm nhập các chuỗi phân phối mainstream và mở rộng quy mô tiêu thụ. Đối với CHIN-SU, chiến lược xây dựng thương hiệu tập trung vào việc kết nối với thói quen nấu ăn bản địa và định vị giá trị gia vị Việt trong bữa ăn hàng ngày của người tiêu dùng quốc tế. Chính nền tảng thương hiệu được đầu tư bài bản này đã góp phần quan trọng giúp tương ớt CHIN-SU chính thức được phân phối tại Costco tại Mỹ, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng tại các thị trường Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Tại khu vực Đông Nam Á, Omachi được đầu tư xây dựng thương hiệu một cách có hệ thống tại Campuchia, tập trung vào việc nâng cao nhận diện, tạo sự gắn kết với người tiêu dùng địa phương và củng cố hình ảnh sản phẩm mì cao cấp phù hợp khẩu vị bản địa. Song song với việc mở rộng độ phủ phân phối, chiến lược đầu tư thương hiệu đã giúp Omachi từng bước xây dựng nền tảng tăng trưởng bền vững tại thị trường này.

Trong giai đoạn tới, Go Global tiếp tục được xác định là một trong những động lực tăng trưởng trọng yếu của Masan Consumer từ năm 2026, hướng tới mục tiêu đến năm 2030, doanh thu từ thị trường quốc tế đóng góp khoảng 10% tổng doanh thu, từng bước hiện thực hóa tham vọng đưa các thương hiệu thực phẩm Việt Nam có vị thế vững chắc trên thị trường toàn cầu.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

1. Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- Quyết định việc cơ cấu lại hệ thống bán hàng, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý; và
- Quyết định các phương án và dự án đầu tư của Công ty và các công ty con.

2. Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đã tiến hành 42 cuộc họp (gồm 4 cuộc họp hình thức họp trực tiếp và 38 cuộc họp hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Phụ lục đính kèm.

3. Trong năm 2025 và đến thời điểm Báo cáo này, Công ty đã triển khai hai đợt phát hành cổ phiếu để huy động vốn như sau:

- Đợt phát hành cổ phiếu từ chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu, kết thúc ngày 25/3/2025: Đính kèm Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG ngày 07/07/2025.
- Đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty, kết thúc ngày 28/7/2025: Đính kèm Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG ngày 15/9/2025.

4. Trong năm 2025, không có nội dung nào đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhưng chưa được thực hiện.
5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và những người điều hành khác
 - Ban điều hành thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và các quy định khác của pháp luật.
 - Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành phù hợp với thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.
6. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:
 - Trong năm 2025, Công ty và các công ty con của Công ty có phát sinh giao dịch với những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị. Các giao dịch này đã được báo cáo đầy đủ trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty và đều đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo quy định pháp luật.
 - Trong năm 2025, Công ty có phát sinh các giao dịch với các công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. Các giao dịch này đã được báo cáo đầy đủ trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo quy định pháp luật.
7. Giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị phát sinh trong năm 2025:
Trong năm 2025, không có phát sinh giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị.
8. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị
Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập:
 - Tham gia, phát biểu, thảo luận đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Quản trị.
 - Tham gia biểu quyết đầy đủ đối với các vấn đề trình Hội đồng Quản trị thông qua.
 - Thực hiện Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị, của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
2. Kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
- Các phiên họp của HĐQT được tổ chức, trao đổi thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung phù hợp với quy định Pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung được biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tiến hành các thủ tục theo đúng quy định.
- Các thành viên HĐQT thực hiện đúng vai trò trách nhiệm, tham dự đầy đủ các buổi họp và các ý kiến biểu quyết góp phần xây dựng và phát triển hoạt động và định hướng phát triển của Công ty.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác thực hiện các chức năng giám sát theo quy định pháp luật, cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2024, bán niên năm 2025 và các quý trong năm 2025.

V. TRIỂN VỌNG 2026

1. Tầm Nhìn 2026

Chúng tôi muốn trở thành:

- Công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu Việt Nam xét về doanh thu, lợi nhuận, vốn hóa và sự nhận biết thương hiệu (Masan Consumer là công ty của các nhãn hiệu mạnh ở trong nước và trên thế giới);
- Đáp ứng nhu cầu hàng ngày của 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam;
- Đưa ẩm thực Việt Nam ra bình diện toàn cầu (Go Global - Make Vietnamese Foods Global Foods)
- Điểm thu hút các nhân tài hàng đầu, và được công nhận là môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; và là biểu tượng của chất lượng và niềm tự hào của người Việt.

2. Kế hoạch kinh doanh 2026:

Công ty đặt mục tiêu đạt tăng trưởng doanh thu hai chữ số, từ 11% đến 15% trong năm 2026, tương đương doanh thu từ 33.800 tỷ đồng đến 35.000 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi những tiến triển liên tục của chương trình Retail Supreme với việc mở rộng đáng kể độ phủ bán hàng, cải thiện năng suất đội ngũ bán hàng và danh mục đổi mới sản phẩm. Theo

đó, lợi nhuận sau thuế trước lợi ích cổ đông không kiểm soát (NPAT Pre-MI) được kỳ vọng sẽ tăng trưởng từ 10% đến 15% trong năm 2026, đạt mức 7.450 – 7.800 tỷ đồng.

- **Ngành hàng Gia vị:** Dự kiến tăng trưởng ở mức thấp hai chữ số, nhờ nền so sánh thấp của năm 2025 và dần trở lại đà tăng trưởng dài hạn của ngành hàng. Động lực chính đến từ sự phục hồi tiếp diễn của ngành hàng nước mắm và các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng về sự tiện lợi và phong cách sống.
- **Ngành Thực phẩm tiện lợi:** Dự kiến duy trì đà tăng trưởng ở mức thấp đến trung bình hai chữ số. Phân khúc cao cấp tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng toàn danh mục, nhờ dẫn dắt “bữa ăn thay thế”, nắm bắt xu hướng tiêu thụ ngoài gia đình. Trong khi đó, phân khúc phổ thông và phân khúc bình dân dự kiến tăng trưởng khiêm tốn hơn, do phần gia tăng thị phần về sản lượng từ hoạt động làm mới thương hiệu một phần bù đắp mức tăng trưởng thấp của toàn phân khúc.
- **Ngành hàng Đồ uống đóng chai & HPC:**
 - Đồ uống đóng chai có hai động lực tăng trưởng chính gồm: (i) mở rộng mô hình Retail Supreme sang kênh tiêu dùng tại chỗ và (ii) các sản phẩm đổi mới đáp ứng xu hướng sức khỏe.
 - HPC tiếp tục phát huy đà tăng trưởng của các thương hiệu Chanté và Homey, đồng thời đẩy nhanh mức độ thâm nhập tại kênh GT.
- **Kinh doanh Quốc tế:** dự kiến tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh, tối thiểu ở mức trung bình hai chữ số, thông qua việc tập trung vào các thị trường trọng điểm như Mỹ, Đông Nam Á, Nhật Bản và Liên minh châu Âu, với danh mục sản phẩm gia vị, thực phẩm tiện lợi và cà phê.

Trân trọng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03. tháng 04 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DANNY LE

PHỤ LỤC
CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1.	01/2025/NQ-HĐQT-MSC	21/01/2025	Thông qua ngân sách đầu tư hệ thống bán hàng của Công ty
2.	02/2025/NQ-HĐQT-MSC	24/01/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu và các vấn đề liên quan
3.	03/2025/NQ-HĐQT-MSC	04/02/2025	Thông qua dự án đầu tư tài sản cố định của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
4.	04/2025/NQ-HĐQT-MSC	24/02/2025	Thông qua việc Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan mua thêm công ty con
5.	05/2025/NQ-HĐQT-MSC	27/02/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
6.	06/2025/NQ-HĐQT-MSC	11/03/2025	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 của Công ty và các công ty con.
7.	07/2025/NQ-HĐQT-MSC	20/03/2025	Thông qua phương án xử lý cổ phần không phân phối hết từ việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu
8.	08/2025/NQ-HĐQT-MSC	31/03/2025	Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty
9.	09/2025/NQ-HĐQT-MSC	04/04/2025	Thông qua các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
10.	10A/2025/NQ-HĐQT-MSC	22/05/2025	Thông qua các giao dịch với các bên có liên quan của Công ty
11.	10B/2025/NQ-HĐQT-MSC	22/05/2025	Thông qua các giao dịch đầu tư của Công ty
12.	11/2025/NQ-HĐQT-MSC	22/05/2025	Phê duyệt ngân sách đầu tư tài sản cố định của công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage
13.	12/2025/NQ-HĐQT-MSC	26/06/2025	Thông qua việc tạm ứng lợi nhuận của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan và của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
14.	13/2025/NQ-HĐQT-MSC	26/06/2025	Thông qua mức tạm ứng cổ tức năm 2025 đợt 1
15.	14/2025/NQ-HĐQT-MSC	04/07/2025	Thông qua việc triển khai phương án phát hành ESOP
16.	15/2025/NQ-HĐQT-MSC	04/07/2025	Thông qua Quy chế ESOP và danh sách người lao động được tham gia Chương trình ESOP
17.	16/2025/NQ-HĐQT-MSC	10/07/2025	Thông qua và ban hành Quy chế quản trị rủi ro
18.	17/2025/NQ-HĐQT-MSC	01/08/2025	Thông qua việc tăng vốn điều lệ do phát hành ESOP
19.	18/2025/NQ-HĐQT-MSC	01/08/2025	Phê duyệt ngân sách đầu tư tài sản cố định của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
20.	19/2025/NQ-HĐQT-MSC	08/09/2025	Phê duyệt việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định về số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu của Công ty
21.	20/2025/NQ-HĐQT-MSC	25/09/2025	Phê duyệt việc cung cấp khoản vay cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các bên có liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
22.	21/2025/NQ-HĐQT-MSC	25/09/2025	Thông qua giao dịch với các bên liên quan
23.	22/2025/NQ-HĐQT-MSC	02/10/2025	Thông qua việc triển khai chuyển giao dịch cổ phiếu MCH của Công ty từ UpCOM sang HOSE
24.	23/2025/NQ-HĐQT-MSC	02/10/2025	Thông qua phương pháp xác định giá tham chiếu vào ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HOSE
25.	24/2025/NQ-HĐQT-MSC	02/10/2025	Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông hoặc tổ chức họp ĐHĐCĐ
26.	25/2025/NQ-HĐQT-MSC	02/10/2025	Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 của Công ty và các công ty con.

27.	26/2025/NQ-HĐQT-MSC	16/10/2025	Thông qua việc tăng hạn mức tín dụng của Công ty tại Ngân hàng
28.	27/2025/NQ-HĐQT-MSC	16/10/2025	Thông qua việc tăng hạn mức tín dụng của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan tại Ngân hàng
29.	28/2025/NQ-HĐQT-MSC	16/10/2025	Thông qua việc tăng hạn mức tín dụng của Công ty TNHH Một thành viên Masan MB tại Ngân hàng
30.	29/2025/NQ-HĐQT-MSC	16/10/2025	Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn của các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan tại Ngân hàng
31.	30/2025/NQ-HĐQT-MSC	16/10/2025	Thông qua việc bảo lãnh cho khoản vay trung dài hạn của Công ty TNHH Một thành viên Masan HG tại Techcombank
32.	31/2025/NQ-HĐQT-MSC	03/11/2025	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
33.	32/2025/NQ-HĐQT-MSC	12/11/2025	Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
34.	33/2025/NQ-HĐQT-MSC	17/11/2025	Thông qua việc bầu Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
35.	34/2025/NQ-HĐQT-MSC	10/12/2025	Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định Ngày giao dịch đầu tiên và Giá tham chiếu của Ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE
36.	35/2025/NQ-HĐQT-MSC	11/12/2025	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu
37.	36/2025/NQ-HĐQT-MSC	11/12/2025	Thông qua việc phân chia và sử dụng lợi nhuận giữ lại đến ngày 31/12/2025 của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan và các công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan
38.	37/2025/NQ-HĐQT-MSC	24/12/2025	Thông qua mức tạm ứng cổ tức năm 2025 đợt 2
39.	38/2025/NQ-HĐQT-MSC	24/12/2025	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản





Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 3.268.116.430.000 VND
thu được từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ
phiếu ra công chúng cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 3 năm
2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 27 tháng 6 năm 2025
(ngày hoàn thành sử dụng vốn)



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 4 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 3.268.116.430.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 27 tháng 6 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), cùng với một bản tóm tắt các chính sách kế toán và các thuyết minh khác (sau đây gọi tắt là "Báo cáo sử dụng vốn") được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 7 năm 2025, được trình bày từ trang 4 đến trang 7.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn theo cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 2 của Báo cáo sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc xác định rằng cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán áp dụng là phù hợp.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo sử dụng vốn này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo sử dụng vốn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong Báo cáo sử dụng vốn. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Cơ sở Kế toán và Hạn chế Sử dụng

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

~~Việt Nam~~

Báo cáo kiểm to

CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
KPMG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thinner

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 7 năm 2025

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 3.268.116.430.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 27 tháng 6 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn)

Căn cứ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 3.268.116.430.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 27 tháng 6 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) như sau:

I. Thông tin chung về đợt phát hành

- | | |
|---|---|
| ▪ Loại cổ phiếu phát hành: | cổ phiếu phổ thông |
| ▪ Tổng số cổ phiếu đã phát hành: | 326.811.643 cổ phiếu |
| ▪ Mệnh giá: | 10.000 VND/cổ phiếu |
| ▪ Giá phát hành: | 10.000 VND/cổ phiếu |
| ▪ Đối tượng phát hành: | cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được lập bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và nhà đầu tư đủ điều kiện |
| ▪ Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: | 3.268.116.430.000 VND |

II. Báo cáo về tình hình sử dụng vốn

Ngày 14 tháng 10 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MSC (“Nghị quyết 03”) phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị của Công ty thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức thực hiện quyền theo các mục đích sử dụng vốn bên dưới.

**Giai đoạn từ ngày 1
tháng 1 năm 2025
đến ngày 25 tháng 3
năm 2025
VND**

Số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

3.268.116.430.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 3.268.116.430.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 27 tháng 6 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) (tiếp theo)

Chi tiết tình hình thực tế sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên theo Nghị quyết 03) như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Ngày giao dịch	Giai đoạn từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến 27 tháng 6 năm 2025 VND
1	Trả nợ vay cho Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tổng hạn mức tín dụng số U2000/ST/MCH/2019 ngày 3 tháng 2 năm 2020	14/5/2025	480.000.000.000
2	Trả nợ vay cho Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay vốn số CP/HCM/007-19 ngày 31 tháng 5 năm 2019	20/5/2025	300.000.000.000
3	Trả nợ vay cho Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngày 15 tháng 11 năm 2019	20/6/2025	300.000.000.000
4	Trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 28/394342/24-DN1/N-CTD và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 28/394342/24-DN1/N-HM/01 ngày 17 tháng 9 năm 2024	13/6/2025 20/6/2025	730.000.000.000
5	Trả nợ vay cho Ngân hàng BNP Paribas – Singapore Branch theo Hợp đồng cấp tín dụng số MNCCoverage/HLC/CK/AL ngày 22 tháng 4 năm 2020	5/5/2025	349.000.000.000
6	Thanh toán tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Zenith Investment theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 0926/2024/HĐT-ZENITH-MSK ngày 26 tháng 9 năm 2024	11/4/2025 27/6/2025	1.109.116.430.000

Tổng số tiền từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đã sử dụng

3.268.116.430.000

Ngày 7 tháng 7 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thủy Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo sử dụng vốn này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 3.268.116.430.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 27 tháng 6 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo sử dụng vốn đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

2. Cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán

Sau đây là cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo sử dụng vốn này.

(a) Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo sử dụng vốn bao gồm các thông tin tài chính liên quan đến tình hình sử dụng số tiền 3.268.116.430.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 27 tháng 6 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn). Báo cáo sử dụng vốn này được lập chỉ nhằm mục đích báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan. Do đó, Báo cáo sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Báo cáo sử dụng vốn được lập dựa trên sổ sách kế toán và chứng từ của Công ty.

(b) Cơ sở ghi nhận và đo lường

Báo cáo sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu thực chi theo nguyên tắc giá gốc. Theo cơ sở kế toán này:

- Tiền thu được được ghi nhận khi Công ty nhận tiền; và
- Tiền sử dụng được ghi nhận khi việc thanh toán được thực hiện.

Báo cáo sử dụng vốn này chỉ phản ánh đến việc sử dụng tiền lần đầu.

Các giá trị giao dịch được đo lường theo các cơ sở đo lường của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 3.268.116.430.000 VND thu được từ
phát hành cổ phiếu mới từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho giai đoạn
từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 27 tháng 6 năm 2025 (ngày
hoàn thành sử dụng vốn) (tiếp theo)

(c) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn.

Ngày 7 tháng 7 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền





Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND
thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn
cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 28
tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8
năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn)



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 4 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le	Chủ tịch
Ông Trương Công Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), cùng với một bản tóm tắt các chính sách kế toán và các thuyết minh khác (sau đây gọi tắt là “Báo cáo sử dụng vốn”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 9 năm 2025, được trình bày từ trang 4 đến trang 7.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn theo cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 2 của Báo cáo sử dụng vốn và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc xác định rằng cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán áp dụng là phù hợp.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo sử dụng vốn này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo sử dụng vốn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong Báo cáo sử dụng vốn. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 2 của Báo cáo sử dụng vốn.

Cơ sở Kế toán và Hạn chế Sử dụng

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2 của Báo cáo sử dụng vốn, trong đó trình bày cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo sử dụng vốn này. Báo cáo sử dụng vốn đính kèm được lập chỉ cho mục đích báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan. Do đó, Báo cáo sử dụng vốn có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ngoại trừ vì vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00643-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2025



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn)

Căn cứ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) như sau:

I. Thông tin chung về đợt phát hành

- | | |
|---|--|
| ▪ Loại cổ phiếu phát hành: | cổ phiếu phổ thông |
| ▪ Tổng số cổ phiếu đã phát hành: | 5.255.924 cổ phiếu |
| ▪ Mệnh giá: | 10.000 VND/cổ phiếu |
| ▪ Giá phát hành: | 10.000 VND/cổ phiếu |
| ▪ Đối tượng phát hành: | nhân viên của Công ty và các công ty con có thành tích nổi bật, đóng góp đặc biệt vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty và các công ty con, đem lại giá trị tăng trưởng về mặt dài hạn cho Công ty và các công ty con |
| ▪ Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: | 52.559.240.000 VND |

II. Báo cáo về tình hình sử dụng vốn

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2025/NQ-HĐQT-MSK ngày 4 tháng 7 năm 2025 của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh thông qua việc bổ sung vốn lưu động của Công ty, cụ thể để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, bao bì, chi phí quảng cáo, chi phí lương và các chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) (tiếp theo)

Tình hình thực tế sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động như sau:

**Giai đoạn
từ 28/7/2025
đến 8/8/2025
VND**

Số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”)

52.559.240.000

Tiến độ sử dụng số tiền thu được từ ESOP

Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, bao bì và chi phí quảng cáo cho các nhà cung cấp

52.559.240.000

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo sử dụng vốn đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

2. Cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán

Sau đây là cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo sử dụng vốn này.

(a) Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo sử dụng vốn bao gồm các thông tin tài chính liên quan đến tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn). Báo cáo sử dụng vốn này được lập chỉ nhằm mục đích báo cáo các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan. Do đó, Báo cáo sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Báo cáo sử dụng vốn được lập dựa trên sổ sách kế toán và chứng từ của Công ty.

(b) Cơ sở ghi nhận và đo lường

Báo cáo sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu thực chi theo nguyên tắc giá gốc. Theo cơ sở kế toán này:

- Tiền thu được được ghi nhận khi Công ty nhận tiền; và
- Tiền sử dụng được ghi nhận khi việc thanh toán được thực hiện.

Báo cáo sử dụng vốn này chỉ phản ánh đến việc sử dụng tiền lần đầu.

Các giá trị giao dịch được đo lường theo các cơ sở đo lường của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

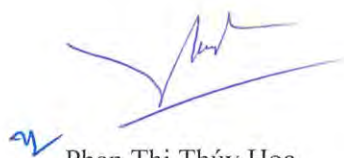
Thuyết minh Báo cáo về tình hình sử dụng số tiền 52.559.240.000 VND thu được từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) cho giai đoạn từ ngày 28 tháng 7 năm 2025 (ngày nhận đủ tiền) đến ngày 8 tháng 8 năm 2025 (ngày hoàn thành sử dụng vốn) (tiếp theo)

(c) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo sử dụng vốn.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền





CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 62 555 660

Fax: (84-28) 38 109 463

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("**Công ty**");
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty;
- Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Công ty; và
- Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG.

Thay mặt Ủy ban kiểm toán Công ty, tôi xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2025

1. Về cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức UBKT trong năm 2025 bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ		Ghi chú
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch UBKT	không còn là thành viên HĐQT và Chủ tịch UBKT từ ngày 13/11/2025
Ông Trương Nhật Quang	Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch UBKT	Trở thành thành viên HĐQT từ ngày 13/11/2025 và Chủ tịch UBKT từ ngày 17/11/2025
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên UBKT	

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán:

Năm 2025, thành viên của Ủy ban kiểm toán hoạt động không thù lao, chi phí và không có các lợi ích liên quan khác.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán:

Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:

Stt	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp và biểu quyết	Các kết luận, kiến nghị
1	Bà Nguyễn Thu Hiền	2/2	100%	- Cuộc họp ngày 03/4/2025: Hợp thảo luận và thống nhất về mục tiêu và các kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2025. - Cuộc họp ngày 31/10/2025: Hợp đánh giá tình hình thực hiện Nghị Quyết của HĐQT trong năm 2025; Thảo luận kế hoạch làm việc trọng tâm Quý 4/2025 và Quý 1/2026.
2	Ông Trương Nhật Quang	0/0	0%	
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	2/2	100%	

4. Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính, dịch vụ kiểm toán độc lập, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

4.1. Kết quả giám sát đối với việc lập báo cáo tài chính

UBKT đã giám sát công tác thuyết minh BCTC quý, 6 tháng, năm 2025 trước khi Ban điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của Pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy:

- Các BCTC quý, bán niên và năm 2025 được lập và công bố phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán, các quy định của Pháp luật hiện hành;
- Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, phản ánh tình hình tài chính của Công ty ổn định, trung thực.
- Công ty kiểm toán (KPMG) được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.
- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng quy mô lớn. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG theo đúng quy định hiện hành.

4.2. Kết quả giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

- Trong năm 2025, Đơn vị kiểm toán độc lập đã thực hiện các cuộc kiểm toán báo cáo bán niên và báo cáo năm cho Công ty. Phạm vi, nội dung, phương pháp, thời gian kiểm toán

theo thỏa thuận hợp đồng với đơn vị kiểm toán độc lập không có vấn đề khác biệt với hợp đồng năm 2024.

- Trong quá trình thực hiện dịch vụ, đơn vị kiểm toán độc lập không đưa ra bất kỳ kiến nghị hoặc lưu ý nào cần cải thiện trong hoạt động chuẩn bị số liệu cho báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty.

4.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG, một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2025 (trên cơ sở hợp nhất) được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/(giảm)	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	30.557	30.897	(340)	-1,1%
Giá vốn hàng bán	16.650	16.493	157	1,0%
Lợi nhuận gộp	13.907	14.404	(497)	-3,5%
Chi phí bán hàng	5.749	5.904	(155)	-2,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.020	976	44	4,5%
Lợi nhuận tài chính	628	1.488	(860)	-57,8%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT - Pre MI)	6.764	7.921	(1.157)	-14,6%
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho Cổ đông Công ty (NPAT - Post MI)	6.667	7.803	(1.136)	-14,6%

EPS	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/(giảm)	%
	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	
	5.557	8.850	(3.293)	-37,2%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025 (mức thấp)	So với kế hoạch	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	30.557	33.500	(2.943)	-8,8%
Lợi nhuận sau thuế TNDN (NPAT – Pre MI)	6.764	7.300	(536)	-7,3%

5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty:

- Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) Công ty được thành lập vào tháng 8/2024 nhằm tăng cường việc kiểm soát việc tuân thủ quy định pháp luật, kiểm soát rủi ro. Trong năm 2025, bộ phận KTNB đã thực hiện việc kiểm toán đối với hoạt động quản lý tại một số nhà máy của Công ty, góp phần hỗ trợ Công ty kịp thời phát hiện các rủi ro và khắc phục.
- Bộ phận KTNB được thành lập trước đó tại hai đơn vị niêm yết là các công ty thành viên



của Công ty, gồm Công ty cổ phần Bột giặt NET và Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa cũng đã thực hiện các công việc đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ tại hai đơn vị này, tuân thủ pháp luật liên quan.

6. Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan:

- Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đều được UBKT giám sát. UBKT cũng đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.

7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty:

Qua công tác giám sát của UBKT đối với hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm tài chính 2025, UBKT ghi nhận các kết quả sau:

- Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước về kế toán tài chính và thuế;
- Các nội dung trong Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và các Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường trong năm 2025 đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ, không có nội dung nghị quyết nào đã được ĐHĐCĐ thông qua mà chưa được thực hiện.

7.1. Đối với Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
- Các phiên họp của HĐQT được tổ chức, trao đổi thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung phù hợp với quy định Pháp luật và đúng thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung được biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tiến hành các thủ tục theo đúng quy định.
- Các thành viên HĐQT thực hiện đúng vai trò trách nhiệm, tham dự đầy đủ các buổi họp và các ý kiến biểu quyết góp phần xây dựng và phát triển hoạt động và định hướng phát triển của Công ty.

7.2. Đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị đã quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với thực tiễn tình hình kinh tế thế giới và trong nước.
- Trong hoạt động quản lý điều hành không ghi nhận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.

8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.

Trong quá trình hoạt động, Ủy ban Kiểm toán đã phối hợp tốt với Hội đồng Quản trị, Tổng

Giám đốc và các Cổ đông. Ủy ban Kiểm toán không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, được tạo điều kiện tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán. Mọi vấn đề phát sinh đều được thảo luận và giải quyết kịp thời.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2026

Nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động, UBKT đề ra kế hoạch công tác trong năm 2026 trọng tâm như sau:

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, điều hành, quản lý của Ban điều hành; kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính minh bạch, cân trọng trong quản lý điều hành, hoạt động tác nghiệp tuân thủ, hiệu quả;
- Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với tình hình hoạt động Công ty, quy định Pháp luật hiện hành và hướng tới các thông lệ quốc tế;
- Giám sát chất lượng chất lượng dịch vụ của Đơn vị kiểm toán độc lập trong các đợt kiểm toán trong năm 2026;
- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của UBKT Công ty trong năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 04 năm 2026

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


TRƯƠNG NHẬT QUANG



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số 0302017440 ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 2 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh được cấp bởi Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng Quản trị Ông Danny Le Chủ tịch
Ông Trương Công Thắng Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà Thành viên
Ông Trương Nhật Quang Thành viên
(từ ngày 13 tháng 11 năm 2025)
Bà Nguyễn Thu Hiền Thành viên
(đến ngày 13 tháng 11 năm 2025)

Ủy ban Kiểm toán Ông Trương Nhật Quang Chủ tịch
(từ ngày 17 tháng 11 năm 2025)
Bà Nguyễn Thu Hiền Chủ tịch
(đến ngày 17 tháng 11 năm 2025)
Ông Nguyễn Thiệu Quang Thành viên

Ban Giám đốc Ông Trương Công Thắng Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hoàng Yến Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Trương Kim Phụng Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 23 tháng 2 năm 2026)
Ông Phạm Đình Toại Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 3 tháng 11 năm 2025 đến ngày 13 tháng 2 năm 2026)

Trụ sở đăng ký 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hoàng Yến

Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-01474-26-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		17.764.791.621.979	10.393.757.226.426
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	8.275.458.100.956	5.677.335.607.288
Tiền	111		83.958.100.956	82.452.718.683
Các khoản tương đương tiền	112		8.191.500.000.000	5.594.882.888.605
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.443.355.672.984	365.174.443.768
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	2.400.812.672.984	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	1.042.543.000.000	365.174.443.768
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.002.832.755.950	1.704.720.808.025
Phải thu của khách hàng	131	8	1.064.170.127.924	1.031.310.295.480
Trả trước cho người bán	132		387.579.285.198	329.006.733.591
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	244.977.123.287	244.977.123.287
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	1.306.106.219.541	99.426.655.667
Hàng tồn kho	140	11	2.894.567.995.116	2.582.184.604.799
Hàng tồn kho	141		2.940.837.879.572	2.628.204.413.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.269.884.456)	(46.019.808.741)
Tài sản ngắn hạn khác	150		148.577.096.973	64.341.762.546
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.495.061.181	22.102.530.593
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	20(b)	126.407.727.456	40.617.740.102
Thuế phải thu Nhà nước	153		674.308.336	1.621.491.851

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		16.201.412.024.439	17.506.203.219.904
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.075.582.107.735	10.363.272.538.890
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	7.025.037.808.223	3.891.769.338.195
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	50.544.299.512	6.471.503.200.695
Tài sản cố định	220		5.249.276.047.091	5.249.161.875.367
Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.592.422.587.639	4.535.134.325.344
Nguyên giá	222		10.341.339.979.033	9.870.271.014.422
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.748.917.391.394)	(5.335.136.689.078)
Tài sản cố định vô hình	227	13	656.853.459.452	714.027.550.023
Nguyên giá	228		2.401.825.672.512	2.408.309.496.258
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.744.972.213.060)	(1.694.281.946.235)
Bất động sản đầu tư	230	14	-	4.165.584.037
Nguyên giá	231		-	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(14.462.389.881)
Tài sản dở dang dài hạn	240		915.523.705.410	332.258.325.951
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	915.523.705.410	332.258.325.951
Đầu tư tài chính dài hạn	250		416.187.008.462	346.526.163.816
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(c)	416.187.008.462	346.526.163.816
Tài sản dài hạn khác	260		2.544.843.155.741	1.210.818.731.843
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	2.087.537.844.117	679.819.831.368
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	363.450.375.727	428.334.861.848
Lợi thế thương mại	269	18	93.854.935.897	102.664.038.627
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		33.966.203.646.418	27.899.960.446.330

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		15.304.062.330.107	16.572.133.669.028
Nợ ngắn hạn	310		12.641.720.377.113	14.600.189.597.321
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.523.888.497.743	2.314.639.691.398
Người mua trả tiền trước	312		136.164.178.192	88.127.372.081
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	516.053.629.821	620.265.382.985
Phải trả người lao động	314		374.706.753	279.979.125
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.207.412.378.998	2.436.249.641.762
Doanh thu chưa thực hiện	318		98.337.475	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	60.624.859.033	46.129.542.251
Vay ngắn hạn	320	23(a)	7.169.251.263.510	9.066.645.462.131
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.852.525.588	27.852.525.588
Nợ dài hạn	330		2.662.341.952.994	1.971.944.071.707
Phải trả người bán dài hạn	331	19	10.665.628.176	14.816.762.000
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	29.737.966.585	31.095.393.270
Vay dài hạn	338	23(b)	2.455.412.722.483	1.764.400.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	156.074.136.969	150.103.763.003
Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.451.498.781	11.528.153.434
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.662.141.316.311	11.327.826.777.302
Vốn chủ sở hữu	410	24	18.662.141.316.311	11.327.826.777.302
Vốn cổ phần	411	25	10.676.207.460.000	7.355.531.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	3.648.154.315.858	3.648.755.415.858
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	25	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		13.344.384.278	10.486.158.078
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.961.668.835.373	923.140.125.757
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		4.961.668.835.373	923.140.125.757
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		600.476.332.085	627.623.298.892
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		33.966.203.646.418	27.899.960.446.330

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yên
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	30.814.063.570.655	31.155.474.118.994
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	257.526.964.714	258.248.493.757
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	30.556.536.605.941	30.897.225.625.237
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	16.650.193.979.884	16.492.540.385.018
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		13.906.342.626.057	14.404.685.240.219
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.101.773.477.711	1.800.658.967.028
Chi phí tài chính	22	31	557.023.389.341	377.908.783.144
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		494.407.157.679	327.528.532.894
Phần lãi trong một công ty liên kết	24	7(c)	82.956.929.646	65.065.176.215
Chi phí bán hàng	25	32	5.749.106.254.176	5.903.986.348.153
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	1.020.259.072.994	975.922.898.666
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		7.764.684.316.903	9.012.591.353.499
Thu nhập khác	31		8.847.141.370	3.762.860.256
Chi phí khác	32		8.608.085.997	12.041.347.338
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		239.055.373	(8.278.487.082)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.764.923.372.276	9.004.312.866.417
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	937.348.355.376	1.127.794.091.580
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	34	63.426.302.313	(44.018.756.162)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		6.764.148.714.587	7.920.537.530.999

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

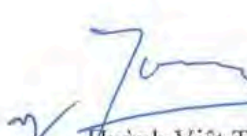
	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		6.764.148.714.587	7.920.537.530.999
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		6.667.152.294.616	7.803.275.518.996
Cổ đông không kiểm soát	62		96.996.419.971	117.262.012.003
			2025 VND	2024 VND (đã điều chỉnh lại)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.557	8.850

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

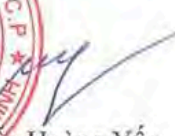
Người lập:


 Phan Thị Thủy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính




 Nguyễn Hoàng Yến
 Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.764.923.372.276	9.004.312.866.417
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	676.000.513.348	679.886.097.410
Các khoản dự phòng	03	133.072.487.054	123.798.546.135
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	602.175.393	2.543.565.215
(Lãi)/lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	(2.981.348.812)	4.533.243.772
Thu nhập lãi tiền gửi và thu nhập từ các hoạt động đầu tư	05	(1.066.839.853.357)	(1.764.318.342.762)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(82.956.929.646)	(65.065.176.215)
Chi phí lãi vay và chi phí thu xếp khoản vay	06	508.325.474.073	334.488.177.551
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.930.145.890.329	8.320.178.977.523
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(18.619.555.122)	21.693.558.302
Biến động hàng tồn kho	10	(357.337.894.055)	(527.434.243.754)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(186.819.282.329)	258.897.211.507
Biến động chi phí trả trước	12	(1.353.213.410.771)	35.395.084.812
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(2.400.812.672.984)	2.592.779.525.558
		3.613.343.075.068	10.701.510.113.948
Tiền lãi vay và chi phí thu xếp khoản vay đã trả	14	(487.707.283.339)	(366.292.536.733)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(993.305.180.090)	(1.107.911.116.921)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(23.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.132.330.611.639	9.227.283.460.294

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.185.442.685.542)	(514.058.307.692)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	9.797.148.450	8.121.553.391
Tiền chi cho vay	23	(3.770.000.000.000)	(2.415.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(1.967.743.000.000)	(17.930.843.673.768)
Tiền thu hồi từ các khoản cho vay	24	927.769.338.195	2.226.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu từ các hoạt động đầu tư khác	24	6.377.374.443.768	28.356.752.230.000
Mua một công ty con, tiền thuần chi ra	25	(34.996.024.522)	-
Tiền thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, cho vay, chứng khoán kinh doanh, các hoạt động đầu tư khác và cổ tức	27	734.726.565.456	1.742.672.256.611
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.091.485.785.805	11.473.644.058.542
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	3.320.074.570.000	119.339.600.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	23.308.768.460.332	25.063.281.820.509
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(24.515.149.936.470)	(22.928.427.051.709)
Tiền chi trả cổ tức tại Công ty và các công ty con	36	(2.741.976.787.600)	(23.070.287.337.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(628.283.693.738)	(20.816.092.968.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.595.532.703.706	(115.165.449.464)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5.677.335.607.288	5.789.870.873.591
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(14.918.787)	36.666.610
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61	2.604.708.749	2.593.516.551
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	8.275.458.100.956	5.677.335.607.288

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2025 VND	2024 VND
Chuyển đổi số dư lãi cho vay phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	291.037.808.223	455.315.913.542

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là “Sở Kế hoạch và Đầu tư”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2025: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 16 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	Kinh doanh và phân phối	23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Khu phố Suối Đá, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Ấp 2, Xã Thạnh Lợi, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100%	100%	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
8	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Khu phố Suối Đá, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
9	Công ty TNHH Masan HN	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 & CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Phường Lê Hồ, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
10	Công ty TNHH Masan HG 2	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, đồ uống, gia vị và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
11	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Lô đất số C.I.III – 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	98,79%	98,79%	98,79%	98,79%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	89,52%	89,52%	89,52%	89,52%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Quốc lộ 27, Xã Ninh Sơn, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	89,52%	89,52%	99,999%	99,999%



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
14	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Tổ 3A, Khu 4, phố Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
15	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	(iv) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc gia đình	Đường D4, KCN Lộc An - Bình Sơn, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,25%	52,25%	52,25%	52,25%
16	Công ty TNHH Tự Giặt Sấy Chanté	(v) Cung cấp dịch vụ giặt ủi	23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH SX TM DV Hương Giang (Thuyết minh 5)	(i) Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Tổ Dân phố Bình An 2, Phường La Gi, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	-	100%	-
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, C51-55/II Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Công ty Cổ phần Bột giặt NET được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC.
- (v) Công ty TNHH Tự Giặt Sấy Chanté được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 5.497 nhân viên (1/1/2025: 5.290 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chỉ cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 202"), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ các giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc khi các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của các kỳ báo cáo trình bày gần nhất, cho các giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc các kỳ báo cáo tương ứng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 3(1)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi, được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi cho giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

012
NH
TV
PV
10/10

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 40 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 17 năm đến 30 năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Nhân hiệu

Giá mua nhân hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhân hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhân hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhân hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 10 năm đến 37 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------|-------------|
| ▪ nhà cửa | 20 – 25 năm |
| ▪ cơ sở hạ tầng | 5 – 20 năm |

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trả trước thuê văn phòng

Chi phí trả trước thuê văn phòng phản ánh tiền thuê văn phòng đã được thanh toán trước cho nhiều kỳ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn 23 năm của hợp đồng thuê văn phòng.

(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng cơ sở hạ tầng

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng cơ sở hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng cơ sở hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng dao động là từ 46 năm đến 47 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí thu xếp khoản vay

Chi phí thu xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản từ các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay, lãi từ chứng khoán kinh doanh và lãi từ các hoạt động đầu tư khác và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, chi phí thu xếp khoản vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản thu nhập lãi và chi phí liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập và chi phí phát sinh liên quan, các khoản vay và các thu nhập và chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, một số chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào từng bộ phận.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và các sản phẩm khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm giá vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm cho thuê kho và các hoạt động khác.

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình		Các sản phẩm khác		Hợp nhất	
	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	20.712.104.252.255	21.192.375.176.114	7.167.920.788.313	7.334.126.578.012	2.394.463.912.937	2.124.596.926.651	282.047.652.436	246.126.944.460	30.556.536.605.941	30.897.225.625.237
Kết quả kinh doanh của bộ phận	5.938.145.130.349	6.270.211.156.658	1.606.839.706.479	1.597.093.510.687	53.824.335.031	55.348.723.564	85.059.055.199	119.242.420.069	7.683.868.227.058	8.041.895.810.978
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ									(463.933.998.525)	(452.054.641.363)
Doanh thu hoạt động tài chính									1.101.773.477.711	1.800.658.967.028
Chi phí tài chính									(557.023.389.341)	(377.908.783.144)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh									7.764.684.316.903	9.012.591.353.499
Thu nhập khác									8.847.141.370	3.762.860.256
Chi phí khác									(8.608.085.997)	(12.041.347.338)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									(1.000.774.657.689)	(1.083.775.335.418)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									6.764.148.714.587	7.920.537.530.999

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình		Hợp nhất	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản bộ phận	6.142.491.632.319	6.035.414.304.841	2.879.228.151.427	2.180.076.694.163	1.010.307.060.142	1.100.644.844.509	10.032.026.843.888	9.316.135.843.513
Tài sản không phân bổ							23.934.176.802.530	18.583.824.602.817
Tổng tài sản							33.966.203.646.418	27.899.960.446.330
Nợ phải trả bộ phận	2.182.546.914.752	2.419.214.505.734	864.972.331.341	722.625.579.548	451.198.325.635	398.078.827.705	3.498.717.571.728	3.539.918.912.987
Nợ phải trả không phân bổ							11.805.344.758.379	13.032.214.756.041
Tổng nợ phải trả							15.304.062.330.107	16.572.133.669.028
	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
Chi tiêu vốn	635.428.288.359	387.245.783.349	483.455.510.087	68.602.960.365	19.440.275.909	20.393.392.932	1.138.324.074.355	476.242.136.646
Chi tiêu vốn không phân bổ							1.516.639.000.553	101.540.901.333
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	405.935.001.851	415.663.792.442	156.463.159.847	152.327.721.080	23.584.856.717	23.121.051.728	585.983.018.415	591.112.565.250
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ							7.843.411.017	6.043.075.181
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	34.548.278.221	27.091.561.511	57.803.374.122	57.765.976.791	36.916.546.930	36.820.850.860	129.268.199.273	121.678.389.162
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ							81.305.070.264	39.502.737.557

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Hợp nhất kinh doanh

Trong tháng 3 năm 2025, Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan, một công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty, đã hoàn tất việc mua 100% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH SX TM DV Hương Giang với tổng số tiền bao gồm chi phí giao dịch là 60.000 triệu VND.

Việc mua lại này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.003.975.478
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	54.400.414.118
Hàng tồn kho	89.194.637.969
Tài sản ngắn hạn khác	23.068.760
Tài sản cố định hữu hình, thuần	62.631.054.340
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	477.947.750
Chi phí trả trước dài hạn	11.628.679.725
Phải trả người bán ngắn hạn	(158.883.751)
Thuế phải nộp Nhà nước	(1.265.341.888)
Nợ ngắn hạn	(638.887.661)
Nợ dài hạn	(189.351.239.076)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(7.428.557.774)
Tổng tài sản thuần có thể xác định được từ việc mua lại	44.516.867.990
Phần tài sản thuần từ việc mua lại	44.516.867.990
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 18)	15.483.132.010
Khoản thanh toán cho việc mua lại	60.000.000.000
Khoản tiền thu được	(25.003.975.478)
Khoản tiền thanh toán thuần	34.996.024.522

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ hợp nhất kinh doanh phát sinh chủ yếu từ sự hợp lực mà Ban Giám đốc kỳ vọng sẽ đạt được từ việc tích hợp hoạt động của công ty được mua lại vào hoạt động kinh doanh hiện hữu của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	96.608.111	462.384.374
Tiền gửi ngân hàng	83.861.492.845	81.990.334.309
Các khoản tương đương tiền	8.191.500.000.000	5.594.882.888.605
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8.275.458.100.956	5.677.335.607.288

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

7. Đầu tư tài chính

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	2.400.812.672.984	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	1.042.543.000.000	365.174.443.768
	3.443.355.672.984	365.174.443.768
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	416.187.008.462	346.526.163.816

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025				1/1/2025			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi một bên liên quan (*)	18.700.000	1.905.536.810.224	(***)	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi một bên liên quan (**)	4.950.000	495.275.862.760	(***)	-	-	-	-	-
		<u>2.400.812.672.984</u>				<u>-</u>		

(*) Tập đoàn đã mua các trái phiếu này từ các bên liên quan với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Các trái phiếu có thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn là 28 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất thả nổi. Các trái phiếu này không có bảo đảm.

(**) Tập đoàn đã mua các chứng chỉ tiền gửi này từ các bên thứ ba với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Chứng chỉ tiền gửi có thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn là từ 21 tháng đến 46 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các chứng chỉ tiền gửi này hưởng lãi suất năm là 4,4% theo thỏa thuận trên hợp đồng.

(***) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.042.543.000.000	365.174.443.768

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2025			1/1/2025		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”)	2.659.217	32,83%	416.187.008.462	2.659.217	32,83%	346.526.163.816

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ.

Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động kinh doanh chính của CLX.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào CLX trong năm như sau:

	2025 VND
Số dư đầu năm	346.526.163.816
Phần lợi nhuận phát sinh trong năm	82.956.929.646
Cổ tức được chia trong năm	(13.296.085.000)
Số dư cuối năm	<u>416.187.008.462</u>

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu từ các bên liên quan	761.591.528.798	698.246.891.471
Phải thu từ các bên thứ ba	302.578.599.126	333.063.404.009
	<u>1.064.170.127.924</u>	<u>1.031.310.295.480</u>

Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (*)	244.977.123.287	244.977.123.287

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan (*)	7.025.037.808.223	3.891.769.338.195

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Các khoản phải thu về cho vay từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay. Các khoản cho vay ngắn hạn sẽ đáo hạn trong tháng 6 năm 2026 và các khoản cho vay dài hạn sẽ đáo hạn lần lượt vào tháng 12 năm 2027 và tháng 9 năm 2028. Trong năm, các khoản lãi cho vay phải thu với số tiền là 291.037.808.223 VND đã được chuyển đổi thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay dài hạn. Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các khoản phải thu từ các bên liên quan:		
▪ Lãi dự thu từ cho vay ngắn hạn (i)	15.025.423.088	2.101.681.304
▪ Đặt cọc ngắn hạn để thuê kho (ii)	67.199.190.493	67.199.190.493
▪ Phải thu khác (iii)	5.403.274.115	-
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iv)	1.034.000.000.000	-
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iv)	86.816.493.150	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	64.115.466.111	19.475.684.313
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho hoạt động kinh doanh	20.874.658.720	6.040.927.560
Phải thu khác	12.671.713.864	4.609.171.997
	1.306.106.219.541	99.426.655.667

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho một bên liên quan vay dài hạn (i)	41.882.739.726	-
Các khoản đặt cọc dài hạn cho hoạt động kinh doanh	8.661.559.786	30.333.392.476
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iv)	-	6.121.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iv)	-	131.869.808.219
Phải thu từ một hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	-	188.300.000.000
	50.544.299.512	6.471.503.200.695

- (i) Các khoản phải thu này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho các bên liên quan. Xem thêm các Thuyết minh 9 và 36 để biết thêm thông tin.
- (ii) Đây là khoản đặt cọc cho một bên liên quan để thuê kho. Xem thêm Thuyết minh 36 để biết thêm thông tin.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu. Xem thêm Thuyết minh 36 để biết thêm thông tin.
- (iv) Các số dư ngắn hạn và dài hạn này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Tập đoàn mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư và được thu hồi vào ngày đáo hạn.
- (v) Tháng 6 năm 2021, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên thứ ba để hợp tác sản xuất nước mắm cốt trong thời hạn 5 năm. Theo đó, công ty con này góp vốn vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn. Bên thứ ba đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai, nhà xưởng, nhà kho, máy móc, thiết bị và các cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con này và bên thứ ba sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong năm, các bên đã thỏa thuận chấm dứt và thanh lý trước hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

11. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	125.012.211.923	-	98.300.039.855	-
Nguyên vật liệu	1.156.220.971.310	(23.025.688.924)	1.162.868.343.426	(20.038.270.990)
Công cụ và dụng cụ	93.921.091.487	-	86.564.923.710	(1.243.333)
Sản phẩm dở dang	341.797.706.435	-	215.049.735.312	-
Thành phẩm	1.122.789.750.947	(23.244.195.532)	942.771.616.197	(25.980.294.418)
Hàng hóa	97.850.800.838	-	104.982.777.254	-
Hàng gửi đi bán	3.245.346.632	-	17.666.977.786	-
	2.940.837.879.572	(46.269.884.456)	2.628.204.413.540	(46.019.808.741)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	46.019.808.741	42.126.172.266
Tăng dự phòng trong năm	134.335.809.027	131.745.334.539
Sử dụng dự phòng trong năm	(133.899.065.992)	(119.730.335.476)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(186.667.320)	(8.121.362.588)
Số dư cuối năm	46.269.884.456	46.019.808.741

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 46.270 triệu VND (1/1/2025: 46.020 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.814.238.757.656	19.583.055.888	6.905.606.339.727	25.726.308.477	105.116.552.674	9.870.271.014.422
Tăng từ mua một công ty con	57.310.110.677	-	5.081.997.734	-	238.945.929	62.631.054.340
Tăng trong năm	206.179.400	-	8.430.168.243	984.218.000	401.141.415	10.021.707.058
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	151.222.610.895	-	425.589.094.974	118.000.000	4.182.440.061	581.112.145.930
Chuyển từ bất động sản đầu tư	18.627.973.918	-	-	-	-	18.627.973.918
Thanh lý	(28.184.906.344)	-	(151.335.905.649)	(1.377.904.729)	(19.796.007.312)	(200.694.724.034)
Xóa sổ	(284.662.348)	-	(218.569.996)	(54.076.940)	(71.883.317)	(629.192.601)
Số dư cuối năm	3.013.136.063.854	19.583.055.888	7.193.153.125.033	25.396.544.808	90.071.189.450	10.341.339.979.033
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	956.797.894.768	19.583.055.888	4.259.262.529.862	13.729.552.969	85.763.655.591	5.335.136.689.078
Khấu hao trong năm	111.663.046.888	-	470.078.134.633	3.801.065.362	6.912.905.481	592.455.152.364
Chuyển từ bất động sản đầu tư	15.833.666.949	-	-	-	-	15.833.666.949
Thanh lý	(27.987.512.398)	-	(144.740.801.011)	(1.377.904.729)	(19.772.706.258)	(193.878.924.396)
Xóa sổ	(284.662.348)	-	(218.569.996)	(54.076.940)	(71.883.317)	(629.192.601)
Số dư cuối năm	1.056.022.433.859	19.583.055.888	4.584.381.293.488	16.098.636.662	72.831.971.497	5.748.917.391.394
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.857.440.862.888	-	2.646.343.809.865	11.996.755.508	19.352.897.083	4.535.134.325.344
Số dư cuối năm	1.957.113.629.995	-	2.608.771.831.545	9.297.908.146	17.239.217.953	4.592.422.587.639

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 1.828.299 triệu VND (1/1/2025: 1.899.311 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	317.618.968.227	76.238.013.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.408.309.496.258
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.405.324.605	-	-	-	-	1.405.324.605
Thanh lý	-	(62.960.000)	-	-	-	-	(62.960.000)
Giảm khác	(7.128.622.351)	-	(697.566.000)	-	-	-	(7.826.188.351)
Số dư cuối năm	111.957.196.051	318.961.332.832	75.540.447.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.401.825.672.512
Gía trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	52.868.030.117	302.080.498.694	35.821.931.570	725.053.133.993	378.442.754.881	200.015.596.980	1.694.281.946.235
Khấu hao trong năm	2.953.213.512	4.553.799.599	2.757.181.589	22.615.070.292	5.671.498.404	19.331.085.780	57.881.849.176
Thanh lý	-	(62.960.000)	-	-	-	-	(62.960.000)
Giảm khác	(7.128.622.351)	-	-	-	-	-	(7.128.622.351)
Số dư cuối năm	48.692.621.278	306.571.338.293	38.579.113.159	747.668.204.285	384.114.253.285	219.346.682.760	1.744.972.213.060
Gía trị còn lại							
Số dư đầu năm	66.217.788.285	15.538.469.533	40.416.082.097	360.274.764.380	18.898.279.197	212.682.166.531	714.027.550.023
Số dư cuối năm	63.264.574.773	12.389.994.539	36.961.334.508	337.659.694.088	13.226.780.793	193.351.080.751	656.853.459.452

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản cố nguyên giá là 1.193.408 triệu VND (1/1/2025: 1.191.334 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(18.016.283.093)	(611.690.825)	(18.627.973.918)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	14.148.580.100	313.809.781	14.462.389.881
Khấu hao trong năm	1.312.764.724	58.512.344	1.371.277.068
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.461.344.824)	(372.322.125)	(15.833.666.949)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.867.702.993	297.881.044	4.165.584.037
Số dư cuối năm	-	-	-

Trong bất động sản đầu tư của Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 10.814 triệu VND đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND
Số dư đầu năm	332.258.325.951
Tăng từ mua một công ty con	477.947.750
Tăng trong năm	1.223.270.103.641
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(581.112.145.930)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.405.324.605)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(57.965.201.397)
Số dư cuối năm	915.523.705.410

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Máy móc và thiết bị	657.836.315.983	207.803.741.808
Nhà cửa và vật kiến trúc	104.000.542.957	40.058.016.359
Phần mềm máy tính	34.108.227.167	7.905.203.325
Khác	119.578.619.303	76.491.364.459
	915.523.705.410	332.258.325.951

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trả trước thuê văn phòng VND	Chi phí đất trả trước và phí sử dụng cơ sở hạ tầng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sắp xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	540.905.874.058	3.134.371.154	95.430.046.465	40.349.539.691	679.819.831.368
Tăng từ mua một công ty con	-	11.172.527.976	-	456.151.749	-	11.628.679.725
Tăng trong năm	1.447.432.337.020	349.436.340	-	18.330.996.006	3.407.620.000	1.469.520.389.366
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	57.965.201.397	-	57.965.201.397
Phân bổ trong năm	(47.543.397.930)	(14.004.825.190)	(3.134.371.154)	(53.645.731.187)	(10.487.337.790)	(128.815.663.251)
Thanh lý	-	-	-	(2.583.615.837)	-	(2.583.615.837)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	3.021.349	-	3.021.349
Số dư cuối năm	1.399.888.939.090	538.423.013.184	-	115.956.069.942	33.269.821.901	2.087.537.844.117

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	220.761.807.520	-	271.295.397.300	-
Chi phí kho vận phải trả	28.956.946.892	-	23.886.397.122	-
Chiết khấu thương mại phải trả	8.390.852.939	-	15.953.171.051	-
Các khoản chi phí phải trả khác và dự phòng	63.405.857.953	(7.985.800.028)	78.720.660.178	(1.072.065.373)
Lợi nhuận chưa thực hiện	41.934.910.423	-	38.479.236.197	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(12.006.845.715)	-	(7.093.367.008)
Tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước dài hạn	-	(136.081.491.226)	-	(141.938.330.622)
	363.450.375.727	(156.074.136.969)	428.334.861.848	(150.103.763.003)

18. Lợi thế thương mại

	2025 VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	750.964.625.546
Tăng từ mua một công ty con (Thuyết minh 5)	15.483.132.010
Số dư cuối năm	766.447.757.556
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	648.300.586.919
Phân bổ trong năm	24.292.234.740
Số dư cuối năm	672.592.821.659
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	102.664.038.627
Số dư cuối năm	93.854.935.897

Trong lợi thế thương mại của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các lợi thế thương mại có nguyên giá là 535.317 triệu VND (1/1/2025: 520.945 triệu VND) đã phân bổ hết.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

	31/12/2025 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2025 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên thứ ba	2.238.901.514.068	2.093.862.500.096
Phải trả cho các bên liên quan	295.652.611.851	235.593.953.302
	2.534.554.125.919	2.329.456.453.398
Trong đó:		
- Ngắn hạn	2.523.888.497.743	2.314.639.691.398
- Dài hạn	10.665.628.176	14.816.762.000
	2.534.554.125.919	2.329.456.453.398

Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Tăng từ mua một công ty con VND	Nộp VND	Cán trừ/ Hoàn lại VND	Phân loại lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	94.045.410.791	4.467.920.307.369	665.681.392	(654.267.605.502)	(3.849.475.749.548)	-	58.888.044.502
Thuế xuất nhập khẩu	-	67.791.247.962	-	(67.791.247.962)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	503.921.503.672	937.348.355.376	584.111.354	(993.305.180.090)	-	35.216.045	448.584.006.357
Thuế thu nhập cá nhân	20.363.307.878	120.947.625.593	15.459.542	(126.039.870.995)	(9.182.450.343)	639.092.291	6.743.163.966
Các loại thuế khác	1.935.160.644	217.696.188.471	89.600	(217.127.359.866)	(665.663.853)	-	1.838.414.996
	620.265.382.985	5.811.703.724.771	1.265.341.888	(2.058.531.264.415)	(3.859.323.863.744)	674.308.336	516.053.629.821

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Cán trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	40.617.740.102	3.935.265.736.902	(3.849.475.749.548)	126.407.727.456

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.125.160.525.940	1.358.626.267.741
Thưởng và lương tháng 13	177.371.373.477	205.769.026.896
Phải trả mua hàng hóa	170.811.593.269	137.482.608.002
Chi phí kho vận	151.355.326.080	126.236.493.104
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	108.215.374.694	44.775.525.789
Chi phí trưng bày	73.481.762.046	137.835.296.686
Chiết khấu thương mại	45.204.587.526	86.389.941.546
Chi phí công nghệ thông tin	38.518.199.669	33.019.827.318
Chi phí lãi vay	37.479.208.426	23.929.636.319
Chi phí nghiên cứu thị trường	18.127.457.330	12.580.938.953
Chi phí khác	261.686.970.541	269.604.079.408
	2.207.412.378.998	2.436.249.641.762

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	41.510.319.200	30.720.129.800
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	6.792.055.000	1.675.150.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	2.599.550.753	6.719.698.985
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.951.231.459	4.089.610.478
Phải trả khác	7.771.702.621	2.924.952.988
	60.624.859.033	46.129.542.251

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	29.737.966.585	31.095.393.270

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vay

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Nhận nợ vay VND	Trả nợ vay VND	
Vay ngắn hạn	8.839.257.634.151	22.617.755.737.849	(24.287.762.108.490)	7.169.251.263.510
Vay dài hạn	1.991.787.827.980	691.012.722.483	(227.387.827.980)	2.455.412.722.483
	10.831.045.462.131	23.308.768.460.332	(24.515.149.936.470)	9.624.663.985.993

(a) Vay ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay ngắn hạn	7.169.251.263.510	8.839.257.634.151
Vay dài hạn đến hạn trả	-	227.387.827.980
	7.169.251.263.510	9.066.645.462.131

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	4,50% - 6,00%	7.169.251.263.510	8.489.257.634.151
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	-	-	350.000.000.000
			7.169.251.263.510	8.839.257.634.151

(b) Vay dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn	2.455.412.722.483	1.991.787.827.980
Khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(227.387.827.980)
Khoản vay đến hạn trả sau 12 tháng	2.455.412.722.483	1.764.400.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo (*)	6,80% - 7,20%	2029	2.273.000.000.000	1.764.400.000.000
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo (**)	6,98% - 7,50%	2030	182.412.722.483	-
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo (***)	6,80% - 10,40%	2025	-	227.387.827.980
			2.455.412.722.483	1.991.787.827.980

(*) Các khoản vay ngân hàng dài hạn không có đảm bảo này của Tập đoàn có gốc bằng USD với lãi suất thả nổi. Tập đoàn đã ký kết các hợp đồng hoán đổi để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái và rủi ro lãi suất.

(**) Các khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của một công ty con của Tập đoàn có gốc bằng VND và được bảo lãnh bởi Công ty.

(***) Các khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo này của Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 có gốc bằng VND, được bảo lãnh bởi Công ty và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 833.947 triệu VND, 1.265 triệu VND và 34.283 triệu VND.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Tập đoàn không có khoản vay quá hạn bao gồm gốc và lãi.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	8.323.564.190	22.731.972.844	16.124.127.868.061	595.870.151.594	26.375.559.178.420
Vốn cổ phần đã phát hành	80.913.000.000	38.426.600.000	-	-	-	-	-	-	119.339.600.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	7.803.275.518.996	117.262.012.003	7.920.537.530.999
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(23.004.263.261.300)	-	(23.004.263.261.300)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(85.508.870.000)	(85.508.870.000)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	-	2.162.593.888	-	-	5.295	2.162.599.183
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.355.531.790.000	3.648.755.415.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	10.486.158.078	22.731.972.844	923.140.125.757	627.623.298.892	11.327.826.777.302

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	7.355.531.790.000	3.648.755.415.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	10.486.158.078	22.731.972.844	923.140.125.757	627.623.298.892	11.327.826.777.302
Vốn cổ phần đã phát hành	3.320.675.670.000	(601.100.000)	-	-	-	-	-	-	3.320.074.570.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	6.667.152.294.616	96.996.419.971	6.764.148.714.587
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(2.628.623.585.000)	-	(2.628.623.585.000)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(124.143.392.000)	(124.143.392.000)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	-	2.858.226.200	-	-	5.222	2.858.231.422
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	10.676.207.460.000	3.648.154.315.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	13.344.384.278	22.731.972.844	4.961.668.835.373	600.476.332.085	18.662.141.316.311

H. H.

M. S.

H. H.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.067.620.746	10.676.207.460.000	735.553.179	7.355.531.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.056.705.358	10.567.053.580.000	724.637.791	7.246.377.910.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.648.154.315.858		3.648.755.415.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Biến động số cổ phiếu hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2025		2024	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	724.637.791	7.246.377.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	326.811.643	3.268.116.430.000	-	-
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”)	5.255.924	52.559.240.000	8.091.300	80.913.000.000
Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành	1.056.705.358	10.567.053.580.000	724.637.791	7.246.377.910.000

26. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 26 tháng 6 năm 2025, đã thông qua quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền với số tiền là 2.628.624 triệu VND (2024: chia cổ tức bằng tiền cho năm 2023 và năm 2024 lần lượt là 16.120.204 triệu VND và 6.884.059 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng 1 năm	73.824.920.104	1.351.681.366.000
Từ 2 đến 5 năm	63.620.038.424	376.033.745.550
Trên 5 năm	272.343.137.062	262.557.394.520
	409.788.095.590	1.990.272.506.070

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	603.330.343.916	401.633.095.455
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	642.661.381.206	691.916.992.990
	1.245.991.725.122	1.093.550.088.445

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.320.885	34.497.740.099	977.226	24.672.670.973
EUR	170	5.207.779	181	4.742.593
THB	34.051.886	27.649.990.461	38.371.038	27.665.513.287
		62.152.938.339		52.342.926.853

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	30.648.973.099.766	31.015.844.301.721
▪ Doanh thu khác	165.090.470.889	139.629.817.273
	<u>30.814.063.570.655</u>	<u>31.155.474.118.994</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	171.332.797.029	147.880.060.893
▪ Hàng bán bị trả lại	86.194.167.685	110.368.432.864
	<u>257.526.964.714</u>	<u>258.248.493.757</u>
Doanh thu thuần	<u>30.556.536.605.941</u>	<u>30.897.225.625.237</u>

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	16.393.245.593.504	16.205.469.886.687
▪ Giá vốn khác	131.195.295.048	163.446.526.380
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	125.753.091.332	123.623.971.951
	<u>16.650.193.979.884</u>	<u>16.492.540.385.018</u>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác	648.197.443.498	1.424.218.095.858
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	418.642.409.859	310.218.603.068
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên thứ ba vay	-	29.881.643.836
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	34.906.171.354	36.260.190.086
Doanh thu hoạt động tài chính khác	27.453.000	80.434.180
	1.101.773.477.711	1.800.658.967.028

31. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	494.407.157.679	327.528.532.894
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.855.292.385	26.577.951.047
Chi phí thu xếp khoản vay	13.918.316.394	6.959.644.657
Chi phí tài chính khác	32.842.622.883	16.842.654.546
	557.023.389.341	377.908.783.144

32. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	4.040.324.681.378	4.099.629.836.611
Chi phí kho vận	948.841.342.155	869.785.041.758
Chi phí nhân viên	499.038.843.457	544.222.487.324
Chi phí trưng bày	103.052.871.112	231.460.947.182
Chi phí nghiên cứu thị trường	43.796.582.237	40.721.874.924
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	38.056.770.763	36.267.425.401
Chi phí khác	75.995.163.074	81.898.734.953
	5.749.106.254.176	5.903.986.348.153

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	397.752.744.877	392.089.078.502
Chi phí thuê văn phòng	126.453.349.523	73.584.542.917
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	78.538.817.346	64.394.636.923
Chi phí nghiên cứu và phát triển	76.281.837.078	82.541.878.810
Khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và bất động sản đầu tư		
phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	56.346.949.346	53.223.943.156
Phân bổ lợi thế thương mại	24.292.234.740	23.001.973.788
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản cố định	24.212.408.325	25.126.654.306
Chi phí khác	236.380.731.759	261.960.190.264
	1.020.259.072.994	975.922.898.666

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	936.366.249.720	1.130.901.603.825
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	982.105.656	(3.107.512.245)
	937.348.355.376	1.127.794.091.580
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	63.426.302.313	(44.018.756.162)
	1.000.774.657.689	1.083.775.335.418

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.764.923.372.276	9.004.312.866.417
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.552.984.674.455	1.800.862.573.283
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(199.765.231)	(15.316.520)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(556.463.618.282)	(712.992.439.347)
Thu nhập không chịu thuế	(1.017.701.289)	-
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(16.591.385.929)	(13.013.035.243)
Chi phí không được khấu trừ thuế	12.614.968.087	3.827.080.811
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	4.858.446.947	4.600.394.758
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	3.606.933.275	3.613.589.921
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	982.105.656	(3.107.512.245)
	1.000.774.657.689	1.083.775.335.418

- (*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục này.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Một số công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải nộp theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ quỹ vào khen thưởng, phúc lợi trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.667.152.294.616	7.803.275.518.996

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025 Cổ phiếu	2024 Cổ phiếu (đã điều chỉnh lại)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	724.637.791	716.546.491
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong năm	254.756.338	3.222.866
	979.394.129	719.769.357
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng sẽ phát hành (*) (Thuyết minh 37)	220.360.804	161.945.993
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm – hiện đang lưu hành	1.199.754.933	881.715.350

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND/cổ phiếu	2024 VND/cổ phiếu (đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.557	8.850

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm - đang lưu hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được tính toán và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại để phản ánh số lượng cổ phiếu thưởng đã phát hành trong tháng 1 năm 2026 (Thuyết minh 37). Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc phát hành các cổ phiếu thưởng này.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có khả năng suy giảm, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	74.842.406	47.315.354	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.123.362.008	1.035.759.721	-	-
	Phí dịch vụ mua ngoài phân bổ	13.567.309.932	45.574.223.556	(13.414.116.518)	(48.077.533.640)
	Lãi trái phiếu	82.739.814.300	-	-	-
Các công ty mẹ cấp cao					
Công ty TNHH The SHERPA	Bán hàng hóa	23.861.111	118.194.446	-	7.079.999
	Mua dịch vụ	3.176.191.099	-	(3.493.810.209)	-
	Mua chứng khoán kinh doanh	1.868.389.200.000	-	-	-
Công ty Cổ phần The CrownX	Bán hàng hóa	51.756.099	54.940.639	15.313.198	5.372.399
	Mua dịch vụ	39.941.882.073	36.058.759.337	(33.483.567.522)	(27.499.305.295)
Công ty mẹ					
Công ty Cổ phần Masan Consumer Holdings	Nhận tăng vốn	692.452.670.000	-	-	-
(trước đây là “Công ty TNHH MasanConsumerHoldings”)	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	2.091.037.808.223	1.225.338.790.255	5.055.037.808.223	3.891.769.338.195
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	927.769.338.195	690.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	363.835.928.349	302.313.223.135	-	-
	Thu hồi các khoản lãi cho vay bằng tiền	72.798.120.126	110.248.767.124	-	-
	Cổ tức đã công bố	1.851.496.030.000	21.349.030.011.000	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	1.851.496.030.000	21.349.030.011.000	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

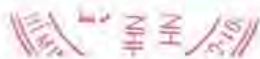
Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được	13.296.085.000	13.296.085.000	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh	Bán hàng hóa và dịch vụ	134.842.247.961	122.870.049.462	8.808.005.261	10.617.506.238
	Bán tài sản cố định	-	571.353.653	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	80.047.170.372	82.996.174.762	(1.979.457.938)	(197.726.326)
	Mua tài sản cố định	-	42.159.743.334	-	-
	Doanh thu dịch vụ phân phối	64.034.573.590	58.364.765.999	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(225.628.415.728)	(155.967.769.673)
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	73.761.066.725	68.785.511.159	3.765.641.948	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	139.377.961	69.887.669	-	-
	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	-	54.977.123.287	144.977.123.287	144.977.123.287
	Thu nhập lãi cho vay	7.723.741.784	4.977.160.756	7.859.395.691	135.653.907
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	855.604.403	8.282.232.049	-	8.659.585.633
	Mua hàng hóa	2.165.713.639	1.468.484.948	(80.784.000)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	21.374.268.687	31.288.842.882	23.347.932.339	34.417.727.170
	Trả trước tiền hàng	609.000	-	609.000	-
	Cho vay	-	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	-	46.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	5.200.000.000	2.928.219.177	7.166.027.397	1.966.027.397
	Thu hồi các khoản lãi cho vay bằng tiền	-	3.573.479.449	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	406.373.284	697.456.640	344.334.240	485.816.575
	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.361.710.940	8.082.502.010	(1.225.109.415)	(917.678.870)
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Mua dịch vụ	6.048.000.000	6.048.000.000	(599.017.126)	(598.485.824)
	Đặt cọc thuê kho	-	-	67.199.190.493	67.199.190.493
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	24.486.106	17.272.221	5.070.000	2.178.000
	Bán tài sản cố định	-	1.424.423.807	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	26.741.368.006	24.515.402.071	4.281.090.600	12.628.950.121
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa	541.252.639	219.074.385	138.044.525	39.402.768
	Mua hàng hóa	2.625.482.400	1.311.981.600	(193.534.740)	(308.683.200)
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa	305.988.721	369.860.794	79.680.637	22.731.589
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.774.696.192	11.961.278.823	(78.232.298)	(346.111.687)
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa	11.001.500	19.798.624	-	-
	Mua hàng hóa	13.256.000	43.268.592	-	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT và chi nhánh	Bán hàng hóa	360.623.858	254.144.503	309.257.770	3.240.000
	Mua hàng hóa	-	18.500.920	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.091.844.046	1.112.853.611	109.399.707	141.031.618
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.612.999.500	8.744.327.374	(197.030.000)	(1.566.844.000)
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	-	336.911.040	-	-



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa	2.178.737.288.251	1.932.664.094.085	715.046.809.185	621.946.587.008
	Mua hàng hóa và dịch vụ	590.181.618.884	584.900.888.379	(37.203.425)	(21.250.763)
	Mua tài sản cố định	-	45.454.545	-	-
	Trả trước tiền hàng	32.128.550	37.000.000	32.128.550	37.000.000
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	24.037.700.773	22.943.864.180	8.923.404.640	6.689.049.661
	Chiết khấu thanh toán và các khoản hỗ trợ bán hàng khác phải trả	30.286.344.170	21.863.202.843	-	-
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa và dịch vụ	8.549.524.305	8.537.527.343	1.021.529.013	1.073.215.608
	Bán tài sản cố định	-	6.000.000	-	-
	Mua hàng hóa	7.322.969.998	9.108.386.526	(261.273.600)	(522.547.200)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	158.213.488	-	170.870.567
Công ty Cổ phần Mobicast	Mua dịch vụ	7.185.048.562	6.952.441.460	(21.378.884)	(294.392.013)
Công ty Cổ phần Supra	Bán hàng hóa	3.177.978.931	251.496.622	26.394.700	16.011.603
	Bán tài sản cố định	161.915.142	-	-	-
	Mua dịch vụ	738.684.316.626	11.860.225.744	(124.446.828.452)	(448.438.425)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	580.346.492	-	626.774.211
	Phải trả khác	-	-	(3.000.000)	(3.000.000)
Công ty TNHH Zenith Investment	Phí thuê và quản lý văn phòng	75.358.878.703	20.993.965.408	(10.151.914.962)	(23.093.361.949)
	Trả trước tiền thuê văn phòng	-	-	1.399.888.939.090	-
	Mua chứng khoán kinh doanh	105.574.000.000	-	-	-
	Cho vay	1.970.000.000.000	-	1.970.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	41.882.739.726	-	41.882.739.726	-



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần The WinX	Mua dịch vụ	835.142.186	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (*)	Bán hàng hóa và dịch vụ	3.668.596.314	-	772.895.150	-
	Phủ dịch vụ mua ngoài phân bổ	-	6.743.062.666	-	(11.047.368.933)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Bán chứng khoán kinh doanh	-	2.592.779.525.558	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	30.346.592.868	49.176.930.097		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản vay và chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(**) Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của một bên liên quan với giá trị ghi sổ là 103.739 triệu VND (1/1/2025: 119.061 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(**) Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Họ tên	Chức vụ	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Phí và thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Ông Trương Nhật Quang	Thành viên	-	-
(từ ngày 13 tháng 11 năm 2025)			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
(đến ngày 13 tháng 11 năm 2025)			
Ủy ban Kiểm toán			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Nhật Quang	Chủ tịch	-	-
(từ ngày 17 tháng 11 năm 2025)			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch	-	-
(đến ngày 17 tháng 11 năm 2025)			
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Ban Giám đốc			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	5.800.722.696	6.712.296.041

37. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 11 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua nghị quyết và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện: (i) phương án sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành là 1,03% (10.000:103) (01 cổ phiếu sẽ nhận được 01 quyền nhận cổ phiếu được chia từ cổ phiếu quỹ và cứ mỗi 10.000 quyền, cổ đông sẽ nhận được thêm 103 cổ phiếu); và (ii) phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ phát hành là 21,47% (10.000:2.147) (01 cổ phiếu sẽ nhận được 01 quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm và cứ mỗi 10.000 quyền sẽ được nhận 2.147 cổ phiếu phát hành thêm). Trong tháng 1 năm 2026 và tại ngày báo cáo này, Công ty đã hoàn tất việc sử dụng 10.882.805 cổ phiếu quỹ và đã hoàn tất việc phát hành 226.872.799 cổ phiếu phổ thông từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông.

Trong tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 bằng tiền năm 2025 với tỷ lệ 25% (2.500 VND/cổ phiếu). Danh sách cổ đông hưởng cổ tức đã được chốt trong tháng 1 năm 2026. Cổ tức được ghi nhận và chi trả sau khi danh sách cổ đông hưởng cổ tức được chốt. Tại ngày báo cáo này, việc chi trả tạm ứng cổ tức đã được hoàn tất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

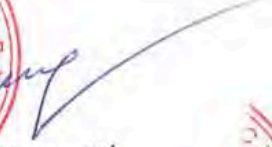
Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yên
Đại diện theo ủy quyền





Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 2 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh được cấp bởi Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Ông Trương Nhật Quang

Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 13 tháng 11 năm 2025)
Thành viên
(đến ngày 13 tháng 11 năm 2025)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Trương Nhật Quang

Bà Nguyễn Thu Hiền

Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch
(từ ngày 17 tháng 11 năm 2025)
Chủ tịch
(đến ngày 17 tháng 11 năm 2025)
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn
Bà Nguyễn Trương Kim Phụng

Ông Phạm Đình Toại

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 23 tháng 2 năm 2026)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 3 tháng 11 năm 2025
đến ngày 13 tháng 2 năm 2026)

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-01474-26-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2026



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.387.228.925.965	6.385.483.742.835
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.657.178.522.986	4.266.833.729.774
Tiền	111		24.278.522.986	10.850.841.169
Các khoản tương đương tiền	112		6.632.900.000.000	4.255.982.888.605
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.602.012.672.984	50.731.443.768
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.400.812.672.984	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	201.200.000.000	50.731.443.768
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.969.735.490.682	1.174.414.243.722
Phải thu của khách hàng	131	6	1.026.738.904.753	958.677.505.334
Trả trước cho người bán	132		32.437.719.040	27.765.143.898
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	910.558.866.889	187.971.594.490
Hàng tồn kho	140	8	1.059.448.595.338	880.334.796.121
Hàng tồn kho	141		1.090.810.243.042	913.504.498.603
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.361.647.704)	(33.169.702.482)
Tài sản ngắn hạn khác	150		98.853.643.975	13.169.529.450
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.581.186.515	13.169.529.450
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	84.272.457.460	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		19.056.832.867.332	17.079.438.730.470
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.970.144.594.075	7.542.291.642.676
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	7.927.953.078.348	3.800.032.657.530
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	42.191.515.727	3.742.258.985.146
Tài sản cố định	220		52.040.711.992	42.534.036.017
Tài sản cố định hữu hình	221	10	42.759.152.270	30.736.484.362
Nguyên giá	222		81.571.883.213	82.316.437.849
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.812.730.943)	(51.579.953.487)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.281.559.722	11.797.551.655
Nguyên giá	228		300.584.080.030	299.241.715.425
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(291.302.520.308)	(287.444.163.770)
Tài sản dở dang dài hạn	240		47.944.026.569	33.624.790.946
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	47.944.026.569	33.624.790.946
Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.233.271.509.348	9.043.271.509.348
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	9.233.271.509.348	9.043.271.509.348
Tài sản dài hạn khác	260		1.753.432.025.348	417.716.751.483
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.448.268.194.811	58.608.923.039
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	305.163.830.537	359.107.828.444
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		31.444.061.793.297	23.464.922.473.305

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.448.985.546.760	12.885.318.202.937
Nợ ngắn hạn	310		10.148.732.050.436	11.092.752.990.164
Phải trả người bán	311	15	3.071.114.350.741	2.372.894.193.946
Người mua trả tiền trước	312		122.327.018.208	64.031.871.415
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	172.647.552.098	245.925.153.694
Chi phí phải trả	315	17	1.665.920.758.081	1.942.382.366.843
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	26.722.371.308	22.519.404.266
Vay ngắn hạn	320	19(a)	5.090.000.000.000	6.445.000.000.000
Nợ dài hạn	330		2.300.253.496.324	1.792.565.212.773
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	27.253.496.324	28.165.212.773
Vay dài hạn	338	19(b)	2.273.000.000.000	1.764.400.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.995.076.246.537	10.579.604.270.368
Vốn chủ sở hữu	410	20	18.995.076.246.537	10.579.604.270.368
Vốn cổ phần	411	21	10.676.207.460.000	7.355.531.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.648.154.315.858	3.648.755.415.858
Cổ phiếu quỹ	415	21	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.665.380.797.800	569.983.391.631
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		5.665.380.797.800	569.983.391.631
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		31.444.061.793.297	23.464.922.473.305

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


 Huỳnh Việt Thăng
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Hoàng Yến
 Đại diện theo ủy quyền



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	30.001.874.290.655	30.355.932.466.016
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	246.298.981.410	215.681.525.107
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	29.755.575.309.245	30.140.250.940.909
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	22.149.171.684.601	22.615.854.932.536
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		7.606.403.624.644	7.524.396.008.373
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.168.231.776.106	6.214.667.833.320
Chi phí tài chính	22	27	428.531.712.499	237.041.827.069
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		381.294.290.553	212.939.727.601
Chi phí bán hàng	25	28	5.574.494.357.465	5.731.593.249.269
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	693.091.094.988	658.100.933.011
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		8.078.518.235.798	7.112.327.832.344
Thu nhập khác	31		217.040.185	362.500.897
Chi phí khác	32		1.757.853.745	3.572.444.882
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.540.813.560)	(3.209.943.985)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.076.977.422.238	7.109.117.888.359
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	299.012.433.162	460.756.782.534
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	53.943.997.907	(11.497.457.096)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.724.020.991.169	6.659.858.562.921

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:


Phan Thị Thủy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	8.076.977.422.238	7.109.117.888.359
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	11.217.224.337	11.326.600.948
Các khoản dự phòng	03	79.043.669.415	90.984.460.385
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(25.986.861)	(146.486.003)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	66.614.684	(256.592.037)
Thu nhập lãi tiền gửi, lợi nhuận được phân phối và thu nhập từ các hoạt động đầu tư	05	(7.156.410.603.360)	(6.201.854.124.892)
Chi phí lãi vay và chi phí thu xếp khoản vay	06	393.798.856.946	216.142.038.909
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.404.667.197.399	1.225.313.785.669
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(164.736.860.560)	48.299.893.621
Biến động hàng tồn kho	10	(258.157.468.632)	(152.201.180.824)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	440.436.746.430	246.390.065.723
Biến động chi phí trả trước	12	(1.392.321.832.409)	210.077.012
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(2.400.812.672.984)	1.993.875.585.603
		(2.370.924.890.756)	3.361.888.226.804
Tiền lãi vay và phí thu xếp khoản vay đã trả	14	(372.490.759.202)	(247.615.542.255)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(339.779.144.782)	(481.400.074.169)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.083.194.794.740)	2.632.872.610.380

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(47.724.721.538)	(46.811.321.731)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	7.509.844.276	2.114.496.683
Tiền chi cho vay	23	(3.770.000.000.000)	(2.041.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(229.200.000.000)	(12.233.250.673.768)
Tiền thu từ các khoản cho vay	24	-	1.980.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu từ các hoạt động đầu tư khác	24	3.278.731.443.768	20.146.819.230.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào một công ty con	25	(190.000.000.000)	(327.100.000.000)
Tiền thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, cho vay, chứng khoán kinh doanh, các hoạt động đầu tư khác và lợi nhuận được phân phối	27	6.584.067.868.140	9.901.342.088.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.633.384.434.646	17.382.113.819.460
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	3.320.074.570.000	119.339.600.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	16.098.600.000.000	18.161.400.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(16.945.000.000.000)	(15.797.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(2.633.513.161.600)	(22.992.734.685.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(159.838.591.600)	(20.508.995.085.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.390.351.048.306	(494.008.655.860)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.266.833.729.774	4.760.812.990.981
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(6.255.094)	29.394.653
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	6.657.178.522.986	4.266.833.729.774

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2025 VND	2024 VND
Chuyển đổi số dư lãi cho vay phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	357.920.420.818	440.032.657.530

Ngày ~~24~~ tháng ~~2~~ năm ~~2026~~

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thắng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Tài chính (trước đây là “Sở Kế hoạch và Đầu tư”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1.215 nhân viên (1/1/2025: 1.654 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi cho giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn,

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ năng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 14 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 4 năm đến 10 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trả trước thuê văn phòng

Chi phí trả trước thuê văn phòng phản ánh tiền thuê văn phòng đã được thanh toán trước cho nhiều kỳ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn 23 năm của hợp đồng thuê văn phòng.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí thu xếp khoản vay

Chi phí thu xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay, lãi từ chứng khoán kinh doanh và lãi từ các hoạt động đầu tư khác, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay ngân hàng, chi phí thu xếp khoản vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	-	149.011.258
Tiền gửi ngân hàng	24.278.522.986	10.701.829.911
Các khoản tương đương tiền	6.632.900.000.000	4.255.982.888.605
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6.657.178.522.986	4.266.833.729.774

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư tài chính

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	2.400.812.672.984	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	201.200.000.000	50.731.443.768
	2.602.012.672.984	50.731.443.768
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (c)	9.233.271.509.348	9.043.271.509.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2025				1/1/2025			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi một bên liên quan (*)	18.700.000	1.905.536.810.224	(***)	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi một bên liên quan (**)	4.950.000	495.275.862.760	(***)	-	-	-	-	-
		<u>2.400.812.672.984</u>				<u>-</u>		

- (*) Công ty đã mua các trái phiếu này từ các bên liên quan với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Các trái phiếu có thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn là 28 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất thả nổi. Các trái phiếu này không có bảo đảm.
- (**) Công ty đã mua các chứng chỉ tiền gửi này từ các bên thứ ba với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Chứng chỉ tiền gửi có thời hạn còn lại đến ngày đáo hạn là từ 21 tháng đến 46 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các chứng chỉ tiền gửi này hưởng lãi suất năm là 4,4% theo thỏa thuận trên hợp đồng.
- (***) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	201.200.000.000	50.731.443.768

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(c) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2025		1/1/2025	
	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (i)	100%	4.188.500.009.348	100%	3.998.500.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (ii)	100%	4.315.000.000.000	100%	4.315.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (iii)	99,99%	64.771.500.000	99,99%	64.771.500.000
▪ Công ty TNHH Masan HPC (iv)	100%	605.000.000.000	100%	605.000.000.000
▪ Công ty TNHH Masan Innovation (v)	100%	60.000.000.000	100%	60.000.000.000
		9.233.271.509.348		9.043.271.509.348

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”) có 11 công ty con và 1 công ty liên kết, bao gồm (1) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), (2) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), (3) Công ty Cổ phần Masan PQ (“MPQ”), (4) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), (5) Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), (6) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), (7) Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc (“NPQ”), (8) Công ty TNHH Masan Long An (“MLA”), (9) Công ty TNHH Masan HN (“HNF”), (10) Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”) và (11) Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hương Giang (“HGC”) và một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex. Các công ty con này, ngoại trừ MLA, HNF và MH2, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, MLA, HNF và MH2 vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này và công ty liên kết.

Trong tháng 3 năm 2025, MSF đã hoàn tất việc mua 100% lợi ích vốn chủ sở hữu trong HGC.

- (ii) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”) có 4 công ty con, bao gồm (1) Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), (2) Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”), (3) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”) và (4) Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). Các công ty con này là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (iii) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) là một công ty thương mại và phân phối các sản phẩm của Công ty tại Thái Lan. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con này.
- (iv) Công ty TNHH Masan HPC (“HPC”) có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NET”). NET là một công ty sản xuất sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và phân phối sản phẩm trực tiếp ra thị trường và thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (v) Công ty TNHH Masan Innovation (“INV”) có 1 công ty con là Công ty TNHH Tự Giặt sấy Chanté (“CTE”). CTE cung cấp dịch vụ giặt ủi. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	9.043.271.509.348	8.716.171.509.348
Tăng trong năm	190.000.000.000	327.100.000.000
Số dư cuối năm	9.233.271.509.348	9.043.271.509.348

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu từ các bên liên quan	762.870.165.584	686.993.429.534
Phải thu từ các bên thứ ba	263.868.739.169	271.684.075.800
	1.026.738.904.753	958.677.505.334

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

7. Phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các khoản phải thu từ các bên liên quan:		
▪ Phải thu từ lợi nhuận được phân phối	313.296.085.000	105.807.343.158
▪ Đặt cọc ngắn hạn để thuê kho (i)	67.199.190.493	67.199.190.493
▪ Phải thu khác (ii)	5.403.274.115	-
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	400.000.000.000	-
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	40.734.246.575	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	55.235.850.524	10.653.510.840
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho hoạt động kinh doanh	19.274.778.720	3.461.810.000
Phải thu khác	9.415.441.462	849.739.999
	910.558.866.889	187.971.594.490

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi dự thu từ cho vay dài hạn từ một bên liên quan (iv)	41.882.739.726	-
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	-	3.600.000.000.000
Các khoản đặt cọc dài hạn cho hoạt động kinh doanh	308.776.001	21.993.231.721
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	-	120.265.753.425
	42.191.515.727	3.742.258.985.146

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Đây là khoản đặc cọc cho một bên liên quan để thuê kho. Xem thêm Thuyết minh 32 để biết thêm thông tin.
- (ii) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu. Xem thêm Thuyết minh 32 để biết thêm thông tin.
- (iii) Các số dư ngắn hạn và dài hạn này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Công ty mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư và được thu hồi vào ngày đáo hạn.
- (iv) Số dư này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản cho vay cấp cho một bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 9 và Thuyết minh 32 để biết thêm thông tin.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	101.927.093.468	-	69.907.002.557	-
Nguyên vật liệu	56.731.765.686	(10.265.581.719)	90.405.277.840	(7.913.405.156)
Công cụ và dụng cụ	718.570.705	-	1.200.620.574	(1.243.333)
Thành phẩm	66.525.362.282	(2.794.223.664)	79.896.620.562	(1.914.166.191)
Hàng hóa	864.907.450.901	(18.301.842.321)	667.259.460.718	(23.340.887.802)
Hàng gửi đi bán	-	-	4.835.516.352	-
	1.090.810.243.042	(31.361.647.704)	913.504.498.603	(33.169.702.482)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	33.169.702.482	13.589.896.134
Tăng dự phòng trong năm	79.043.669.415	94.132.235.907
Sử dụng dự phòng trong năm	(80.851.724.193)	(71.404.654.037)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.147.775.522)
Số dư cuối năm	31.361.647.704	33.169.702.482

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 31.362 triệu VND (1/1/2025: 33.170 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan (*)	7.927.953.078.348	3.800.032.657.530

- (*) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay. Các khoản cho vay dài hạn này đáo hạn vào tháng 12 năm 2027 và tháng 9 năm 2028. Trong năm, các khoản lãi cho vay phải thu với số tiền là 357.920.420.818 VND đã được chuyển đổi thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay dài hạn. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.799.505.547	23.430.095.955	17.195.472.548	27.891.363.799	82.316.437.849
Tăng trong năm	-	386.697.139	-	401.141.415	787.838.554
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	19.758.167.317	-	-	19.758.167.317
Thanh lý	(159.828.359)	(2.013.693.640)	-	(19.028.488.512)	(21.202.010.511)
Xóa sổ	-	(88.549.996)	-	-	(88.549.996)
Số dư cuối năm	13.639.677.188	41.472.716.775	17.195.472.548	9.264.016.702	81.571.883.213
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.708.886.085	5.047.255.606	9.131.213.401	24.692.598.395	51.579.953.487
Khấu hao trong năm	179.279.911	3.434.527.740	2.376.089.851	1.306.010.297	7.295.907.799
Thanh lý	(159.828.359)	(809.564.530)	-	(19.005.187.458)	(19.974.580.347)
Xóa sổ	-	(88.549.996)	-	-	(88.549.996)
Số dư cuối năm	12.728.337.637	7.583.668.820	11.507.303.252	6.993.421.234	38.812.730.943
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.090.619.462	18.382.840.349	8.064.259.147	3.198.765.404	30.736.484.362
Số dư cuối năm	911.339.551	33.889.047.955	5.688.169.296	2.270.595.468	42.759.152.270

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 20.615 triệu VND (1/1/2025: 38.223 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	298.605.351.789	636.363.636	299.241.715.425
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.405.324.605	-	1.405.324.605
Thanh lý	(62.960.000)	-	(62.960.000)
Số dư cuối năm	299.947.716.394	636.363.636	300.584.080.030
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	286.807.800.134	636.363.636	287.444.163.770
Khấu hao trong năm	3.921.316.538	-	3.921.316.538
Thanh lý	(62.960.000)	-	(62.960.000)
Số dư cuối năm	290.666.156.672	636.363.636	291.302.520.308
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	11.797.551.655	-	11.797.551.655
Số dư cuối năm	9.281.559.722	-	9.281.559.722

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 278.768 triệu VND (1/1/2025: 276.694 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND
Số dư đầu năm	33.624.790.946
Tăng trong năm	46.281.710.556
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(19.758.167.317)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.405.324.605)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.449.954.215)
Thanh lý	(6.349.028.796)
Số dư cuối năm	47.944.026.569

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phần mềm máy tính	34.108.227.167	7.905.203.325
Máy móc và thiết bị	10.515.555.079	23.652.404.774
Nhà cửa và kiến trúc	-	1.692.952.845
Khác	3.320.244.323	374.230.002
	47.944.026.569	33.624.790.946

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trả trước thuê văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thu xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	19.673.133.347	38.935.789.692	58.608.923.039
Tăng trong năm	1.447.432.337.020	2.365.622.718	3.407.620.000	1.453.205.579.738
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.449.954.215	-	4.449.954.215
Thanh lý	-	(2.424.272.352)	-	(2.424.272.352)
Phân bổ trong năm	(47.543.397.930)	(8.955.004.112)	(9.073.587.787)	(65.571.989.829)
Số dư cuối năm	1.399.888.939.090	15.109.433.816	33.269.821.905	1.448.268.194.811



14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	220.761.807.520	264.391.774.486
Chi phí kho vận phải trả	28.956.946.892	23.886.397.122
Chiết khấu thương mại phải trả	8.390.852.939	15.953.171.051
Chi phí phải trả khác	47.054.223.186	54.876.485.785
	<u>305.163.830.537</u>	<u>359.107.828.444</u>

15. Phải trả người bán

	31/12/2025 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2025 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	2.885.819.046.956	2.156.222.570.288
Phải trả các bên thứ ba	185.295.303.785	216.671.623.658
	<u>3.071.114.350.741</u>	<u>2.372.894.193.946</u>

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 15 đến 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Cần trừ/Hoàn lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.476.512.900	2.517.791.836.034	(37.796.352.146)	(2.497.471.996.788)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.800.307.726	299.012.433.162	(339.779.144.782)	-	167.033.596.106
Thuế thu nhập cá nhân	19.521.163.108	91.879.159.231	(102.718.315.179)	(3.979.288.157)	4.702.719.003
Các loại thuế khác	1.127.169.960	43.759.385.598	(43.975.318.569)	-	911.236.989
	245.925.153.694	2.952.442.814.025	(524.269.130.676)	(2.501.451.284.945)	172.647.552.098

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Cần trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	2.581.744.454.248	(2.497.471.996.788)	84.272.457.460

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.103.809.037.601	1.321.958.872.430
Chi phí kho vận	144.784.734.459	119.431.985.609
Chi phí trưng bày	71.998.668.235	137.555.296.686
Thưởng và lương tháng 13	61.853.903.743	80.182.352.513
Chiết khấu thương mại	41.954.264.695	79.765.855.254
Phải trả mua hàng hóa	40.525.975.984	44.236.486.112
Chi phí công nghệ thông tin	38.518.199.669	33.019.827.318
Chi phí lãi vay	34.823.304.382	19.216.064.425
Chi phí nghiên cứu thị trường	18.127.457.330	12.580.938.953
Chi phí khác	109.525.211.983	94.434.687.543
	1.665.920.758.081	1.942.382.366.843

18. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	13.317.109.100	18.206.685.700
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	6.792.055.000	1.675.150.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	779.637.376	2.500.324.050
Phải trả khác	5.833.569.832	137.244.516
	26.722.371.308	22.519.404.266

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	27.253.496.324	28.165.212.773

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Nhận nợ vay VND	Trả nợ vay VND	
Vay ngắn hạn	6.445.000.000.000	15.590.000.000.000	(16.945.000.000.000)	5.090.000.000.000
Vay dài hạn	1.764.400.000.000	508.600.000.000	-	2.273.000.000.000
	8.209.400.000.000	16.098.600.000.000	(16.945.000.000.000)	7.363.000.000.000

(a) Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	4,50% – 5,90%	5.090.000.000.000	6.095.000.000.000
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	-	-	350.000.000.000
			5.090.000.000.000	6.445.000.000.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo (*)	USD	6,80% - 7,20%	2029	2.273.000.000.000	1.764.400.000.000

(*) Các khoản vay ngân hàng không có đảm bảo này có gốc bằng USD với lãi suất thả nổi. Công ty đã ký kết các hợp đồng hoán đổi để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái và rủi ro lãi suất.

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	16.914.388.090.010	26.804.669.368.747
Vốn cổ phần đã phát hành (Thuyết minh 21)	80.913.000.000	38.426.600.000	-	-	119.339.600.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.659.858.562.921	6.659.858.562.921
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(23.004.263.261.300)	(23.004.263.261.300)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	7.355.531.790.000	3.648.755.415.858	(994.666.327.121)	569.983.391.631	10.579.604.270.368
Vốn cổ phần đã phát hành (Thuyết minh 21)	3.320.675.670.000	(601.100.000)	-	-	3.320.074.570.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.724.020.991.169	7.724.020.991.169
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(2.628.623.585.000)	(2.628.623.585.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	10.676.207.460.000	3.648.154.315.858	(994.666.327.121)	5.665.380.797.800	18.995.076.246.537

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.067.620.746	10.676.207.460.000	735.553.179	7.355.531.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.056.705.358	10.567.053.580.000	724.637.791	7.246.377.910.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.648.154.315.858		3.648.755.415.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Biến động số cổ phiếu hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2025		2024	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm				
– hiện đang lưu hành	724.637.791	7.246.377.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	326.811.643	3.268.116.430.000	-	-
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”)	5.255.924	52.559.240.000	8.091.300	80.913.000.000
Số dư cuối năm				
– hiện đang lưu hành	1.056.705.358	10.567.053.580.000	724.637.791	7.246.377.910.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty vào ngày 26 tháng 6 năm 2025, đã thông qua quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền với số tiền là 2.628.624 triệu VND (2024: chia cổ tức bằng tiền cho năm 2023 và năm 2024 lần lượt là 16.120.204 triệu VND và 6.884.059 triệu VND).

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng 1 năm	27.813.111.534	1.288.060.653.722
Từ 2 đến 5 năm	1.449.472.000	325.783.685.732
	29.262.583.534	1.613.844.339.454

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	8.073.995.304	15.409.439.822
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.213.994.751	10.575.867.314
	10.287.990.055	25.985.307.136

(c) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	667.417	17.431.605.564	287.910	7.289.873.351

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	29.928.869.900.976	30.292.967.512.565
▪ Doanh thu khác và cung cấp dịch vụ	73.004.389.679	62.964.953.451
	30.001.874.290.655	30.355.932.466.016
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	158.633.157.491	108.877.059.267
▪ Hàng bán bị trả lại	87.665.823.919	106.804.465.840
	246.298.981.410	215.681.525.107
Doanh thu thuần	29.755.575.309.245	30.140.250.940.909

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	22.078.524.065.561	22.524.870.472.151
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	70.647.619.040	90.984.460.385
	22.149.171.684.601	22.615.854.932.536

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con	6.363.221.400.000	4.872.022.203.874
Lãi tiền gửi ngân hàng, chứng khoán kinh doanh và hoạt động đầu tư khác	393.386.042.816	1.007.355.427.866
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	399.803.160.544	296.605.808.220
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên thứ ba vay	-	25.870.684.932
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.793.719.746	12.810.504.583
Doanh thu hoạt động tài chính khác	27.453.000	3.203.845
	<u>7.168.231.776.106</u>	<u>6.214.667.833.320</u>

27. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	381.294.290.553	212.939.727.601
Chi phí thu xếp khoản vay	12.504.566.393	3.202.311.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.890.232.670	4.057.133.614
Chi phí tài chính khác	32.842.622.883	16.842.654.546
	<u>428.531.712.499</u>	<u>237.041.827.069</u>

28. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.953.387.272.303	4.016.883.518.078
Chi phí kho vận	904.006.162.146	825.288.727.378
Chi phí nhân viên	466.647.589.102	514.559.619.626
Chi phí trưng bày	102.671.442.645	229.870.242.551
Chi phí nghiên cứu thị trường	42.865.121.805	41.108.474.924
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	37.205.946.876	36.158.290.283
Chi phí khác	67.710.822.588	67.724.376.429
	<u>5.574.494.357.465</u>	<u>5.731.593.249.269</u>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	291.491.628.384	290.275.904.575
Chi phí thuê văn phòng	119.806.470.184	68.725.652.028
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	77.516.925.849	63.443.808.705
Chi phí nghiên cứu và phát triển	43.495.447.606	45.146.499.084
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản cố định	8.305.816.289	7.159.131.649
Chi phí khác	152.474.806.676	183.349.936.970
	693.091.094.988	658.100.933.011

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí hàng hóa và thành phẩm đã bán	22.078.524.065.561	22.524.870.472.151
Chi phí nhân viên	758.139.217.486	804.835.524.201
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản cố định	11.217.224.337	11.326.600.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.280.954.789.414	5.326.625.213.031
Chi phí khác	287.921.840.256	337.891.304.485

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	299.006.137.612	459.799.161.817
Dự phòng thiếu những năm trước	6.295.550	957.620.717
	299.012.433.162	460.756.782.534
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	53.943.997.907	(11.497.457.096)
	352.956.431.069	449.259.325.438

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	8.076.977.422.238	7.109.117.888.359
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.615.395.484.448	1.421.823.577.672
Thu nhập không chịu thuế	(1.272.644.280.000)	(974.404.440.775)
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.198.931.071	882.567.824
Dự phòng thiếu hụt thuế năm trước	6.295.550	957.620.717
	352.956.431.069	449.259.325.438

(*) Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty bao gồm 6.363.221 triệu VND (2024: 4.872.022 triệu VND) lợi nhuận được phân phối từ các công ty con là thu nhập không chịu thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các quốc gia khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc Công ty về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	74.842.406	47.315.354	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.123.362.008	1.035.759.721	-	-
	Phí dịch vụ mua ngoài phân bổ	13.567.309.932	45.574.223.556	(13.414.116.518)	(48.077.533.640)
	Lãi trái phiếu	82.739.814.300	-	-	-
Các công ty mẹ cấp cao					
Công ty TNHH The SHERPA	Bán hàng hóa	23.861.111	118.194.446	-	7.079.999
	Mua dịch vụ	3.176.191.099	-	(3.493.810.209)	-
	Mua chứng khoán kinh doanh	1.868.389.200.000	-	-	-
Công ty Cổ phần The CrownX	Bán hàng hóa	51.756.099	54.940.639	15.313.198	5.372.399
	Mua dịch vụ	39.941.882.073	36.058.759.337	(33.483.567.522)	(27.499.305.295)
Công ty mẹ					
Công ty Cổ phần Masan Consumer Holdings (trước đây là “Công ty TNHH MasanConsumerHoldings”)	Nhận tăng vốn	692.452.670.000	-	-	-
	Cổ tức đã công bố	1.851.496.030.000	21.349.030.011.000	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	1.851.496.030.000	21.349.030.011.000	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Lợi nhuận được phân phối	4.713.296.085.000	3.973.539.758.874	213.296.085.000	103.811.343.158
	Góp vốn	190.000.000.000	327.100.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan HPC	Lợi nhuận được phân phối	76.073.595.000	58.518.150.000	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	292.075.882.915	318.679.678.480	-	-
	Bán tài sản cố định	879.044.169	62.833.334	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	6.293.856.172.706	6.365.155.917.893	(594.580.844.413)	(452.939.254.491)
	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	1.078.787.401.641	568.856.219.177	2.976.643.620.818	1.897.856.219.177
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	-	370.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	178.787.401.641	151.299.506.850	-	-
	Thu hồi lãi cho vay bằng tiền	-	59.118.904.110	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	152.525.263	299.453.327	-	(323.409.594)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	166.808.325.917	216.263.758.959	-	-
	Mua hàng hóa	4.866.916.255.448	5.433.836.722.690	(963.015.695.817)	(442.729.881.832)
	Cho vay, bao gồm chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	1.079.133.019.177	622.176.438.353	2.981.309.457.530	1.902.176.438.353
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	-	320.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	179.133.019.177	145.306.301.370	-	-
	Thu hồi lãi cho vay bằng tiền	-	51.129.863.014	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	92.353.768.814	107.872.456.070	-	-
	Bán tài sản cố định	4.492.533	-	-	-
	Mua hàng hóa	1.830.440.433.038	1.980.330.488.449	(302.637.607.151)	(160.555.421.037)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	Bán hàng hóa	279.392.115.778	259.312.923.780	-	-
	Bán tài sản cố định	6.187.091.689	625.421.360	-	-
	Mua hàng hóa	4.825.268.929.208	4.182.377.063.627	(284.876.622.770)	(281.416.918.628)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Bán hàng hóa	-	8.360.010	-	-
Công ty Cổ phần Masan PQ	Bán hàng hóa	-	20.660.329	-	-
	Mua hàng hóa	1.683.896.280	1.520.116.360	(1.004.206.454)	(272.775.859)
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	Bán hàng hóa	70.864.857	827.159.815	-	-
	Mua hàng hóa	21.260.692.309	135.324.173.533	-	(52.038.287.616)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Lợi nhuận được phân phối	1.573.851.720.000	839.964.295.000	100.000.000.000	1.996.000.000
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	75.971.770.405	79.445.704.463	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.304.954.232.579	2.214.707.362.156	(357.555.080.064)	(417.618.568.814)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Bán hàng hóa	47.093.999	887.092.518	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	447.337.057.269	441.174.796.370	(21.632.000.190)	(42.950.364.019)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	36.735.145	107.519.655	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	211.739.972.476	227.983.745.422	(29.509.888.461)	(55.185.779.941)

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Masan Consumer (Thailand) Limited	Bán hàng hóa	51.381.391.362	51.480.258.136	12.946.100.781	9.065.015.760
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Bán hàng hóa	13.377.889.484	8.225.885.067	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	499.167.209.715	359.969.302.879	(39.059.614.690)	(18.114.013.543)
Công ty TNHH Tự Giặt sấy Chanté	Bán hàng hóa	263.688.509	163.595.456	110.000.449	31.155.000
	Mua dịch vụ	3.063.600.000	1.167.000	(275.724.000)	-
Các bên liên quan khác					
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh	Bán hàng hóa và dịch vụ	17.689.660.763	9.223.905.039	-	-
	Doanh thu dịch vụ phân phối	64.034.573.590	58.364.765.999	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(225.628.415.728)	(155.967.769.673)
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	73.761.066.725	68.785.511.159	3.765.641.948	-
	Mua hàng hóa	1.595.411.382	1.166.994.398	(38.261.970)	(197.726.326)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	427.238.403	7.496.992.049	-	7.811.526.433
	Mua hàng hóa	1.202.620.910	890.504.948	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	21.374.268.687	31.288.842.882	23.347.932.339	34.417.727.170
	Trả trước tiền hàng	609.000	-	609.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	85.806.154	697.456.640	-	485.816.575
	Mua hàng hóa	113.454.540	18.909.090	(31.200.000)	(10.400.000)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	139.377.961	69.887.669	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Đặt cọc thuê kho	-	-	67.199.190.493	67.199.190.493
	Mua dịch vụ	5.628.000.000	5.733.000.000	(560.517.126)	(559.985.824)
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	24.486.106	17.272.221	5.070.000	2.178.000
	Bán tài sản cố định	-	1.424.423.807	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	22.471.558.955	21.679.311.294	3.492.497.149	9.565.972.082
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa	160.096.752	313.866.219	79.680.637	12.998.700
	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.721.794.952	9.942.268.329	-	(263.617.387)
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa	108.914.511	63.493.332	27.587.930	6.096.000
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa	-	9.074.074	-	-
	Mua hàng hóa	500.750	1.688.592	-	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT và chi nhánh	Bán hàng hóa	280.108.379	170.284.294	270.765.049	3.240.000
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.091.844.046	1.112.853.611	109.399.707	141.031.618
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa	2.172.153.031.279	1.925.700.355.101	714.192.247.715	617.831.704.323
	Mua hàng hóa và dịch vụ	589.610.097.590	583.870.396.849	(37.203.425)	(21.250.763)
	Trả trước tiền hàng	32.128.550	37.000.000	32.128.550	37.000.000
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	24.037.700.773	22.943.864.180	8.923.404.640	6.689.049.661
	Chiết khấu thanh toán và hỗ trợ bán hàng khác phải trả	30.286.344.170	21.863.202.843	-	-
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Wineco	Mua hàng hóa	-	185.467.374	-	-
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	-	336.911.040	-	-
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	1.890.926.945	1.819.937.663	188.508.307	274.680.000
	Mua hàng hóa	65.053.331	7.155.609.826	-	-
Công ty Cổ phần Mobicast	Mua dịch vụ	6.156.850.184	6.061.031.268	-	(187.980.199)
Công ty Cổ phần The Supra	Bán hàng hóa	2.930.311.501	251.496.622	26.394.700	16.011.603
	Bán tài sản cố định	161.915.142	-	-	-
	Mua dịch vụ	714.468.010.981	11.860.225.744	(120.364.004.557)	(448.438.425)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	580.346.492	-	626.774.211
	Phải trả khác	-	-	(3.000.000)	(3.000.000)
Công ty TNHH Zenith Investment	Phí thuê văn phòng và phí quản lý	75.358.878.703	20.993.965.408	(10.151.914.962)	(23.093.361.949)
	Trả trước tiền thuê văn phòng	-	-	1.399.888.939.090	-
	Mua chứng khoán kinh doanh	105.574.000.000	-	-	-
	Cho vay	1.970.000.000.000	-	1.970.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	41.882.739.726	-	41.882.739.726	-
Công ty Cổ phần The WinX	Mua dịch vụ	835.142.186	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (*)	Bán hàng hóa	3.646.778.132	-	772.895.150	-
	Phí dịch vụ mua ngoài phân bổ	-	6.743.062.666	-	(11.047.368.933)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	Bán chứng khoán kinh doanh	-	1.993.875.585.603	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	8.497.978.408	12.931.975.926	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty cũng có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và cố kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(**) Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 286.152 triệu VND (1/1/2025: 346.449 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và tiền thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc điều hành của Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2025 VND	2024 VND
Ban Giám đốc			
<i>Chi phí và thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Ông Trương Nhật Quang	Thành viên	-	-
(từ ngày 13 tháng 11 năm 2025)			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
(đến ngày 13 tháng 11 năm 2025)			
Ủy ban Kiểm toán			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Nhật Quang	Chủ tịch	-	-
(từ ngày 17 tháng 11 năm 2025)			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch	-	-
(đến ngày 17 tháng 11 năm 2025)			
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Hội đồng Quản trị			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	5.800.722.696	6.712.296.041

33. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 11 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua nghị quyết và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện: (i) phương án sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành là 1,03% (10.000:103) (01 cổ phiếu sẽ nhận được 01 quyền nhận cổ phiếu được chia từ cổ phiếu quỹ và cứ mỗi 10.000 quyền, cổ đông sẽ nhận được thêm 103 cổ phiếu); và (ii) phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ phát hành là 21,47% (10.000:2.147) (01 cổ phiếu sẽ nhận được 01 quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm và cứ mỗi 10.000 quyền sẽ được nhận 2.147 cổ phiếu phát hành thêm). Trong tháng 1 năm 2026 và tại ngày báo cáo này, Công ty đã hoàn tất việc sử dụng 10.882.805 cổ phiếu quỹ và đã hoàn tất việc phát hành 226.872.799 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Trong tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2 bằng tiền năm 2025 với tỷ lệ 25% (2.500 VND/cổ phiếu). Danh sách cổ đông hưởng cổ tức đã được chốt trong tháng 1 năm 2026. Cổ tức được ghi nhận và chi trả sau khi danh sách cổ đông hưởng cổ tức được chốt. Tại ngày báo cáo này, việc chi trả tạm ứng cổ tức đã được hoàn tất.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

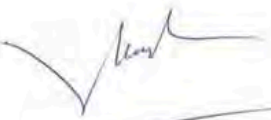
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

